TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HÓA

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo, ty trị sự, nhà in 95-97 phố Chanceaulme, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

* Những vết biến-thiên về phục-sức... *Hoa-Bằng*
* Văn-hóa vật-chất (III) *Nguyễn-Văn-Tố*
* Đại-Nam dật-sự (V) *Ứng-Hòe*
* Từ Trần bình-Trọng đến Trần-công-Hãng (Hết) *Nhật-Nham*
* « Đêm Lam Sơn » *Tô Kiều Phương*
* Tùy-hứng *Lãng ngâm-tử — Mộng-Sơn Hoài-Vân — Giản-chi*
* Tạo-hóa và nhân-loại (IV) *Minh-Tuyền*
* Lịch triều hiến chương (Hết) *H. B.*
* Huyện Thọ-xương với thành phố Hà-nội *Trần-huy-Bá*
* Indrapura (Đồng-dương) (II) *Dương-Kỵ*
* Những ông nghè triều Lê (LVIII) *Nguyễn-văn-Tố*
* Cháy cung Chương-Võ tiểu-thuyết, (I) *Chu-Thiên*

Năm thứ ba — Số 108
Thứ năm, 19 Août 1943

0$30

Những vết biến-thiên về lối phục-sức của ta
cũng đánh dấu được nhiều nét quan-trọng về lịch-sử

HOA-BANG

ĐỨNG trong địa-hạt sử-học Việt-nam, chúng ta ngày nay chẳng những phải khảo từ chế-độ, lễ nhạc, văn trị, võ công, nội tu, ngoại nhương, dân sinh quốc kế này khác, mà phàm những cái có liên-lạc đến cuộc sinh-hoạt của dân ta từ xưa đến giờ, nói tóm, nội các phương-diện chính-trị, kinh-tế, văn-học, mỹ-thuật, kỹ-nghệ, xã-hội, phong-tục, tập quán, v. v., hễ cái gì có tính-cách về lịch-sử, đều là đối tượng-tượng để nghiên-cứu cả. Cho nên đối với những thói-tục lặt-vặt như ăn trầu, nhuộm răng, ăn-mặc chẳng hạn, ta nay cũng không thể bỏ qua mà không xét đến được. Vì lắm khi chính những cái nhỏ nhặt ấy đã đánh dấu nhiều vết biến-thiên trên trang quốc-sử ta.

***

Trong một thời-kỳ *màu vàng* là một « sắc cấm », chỉ có quốc vương được dùng. Vì sắc vàng, theo quan-niệm của Tàu và ta xưa, là chính sắc, tượng-trưng cho phương trung-ương, cho quân-chủ, nên màu ấy chỉ dành riêng vào những đồ phục-sức của vua thôi.

Tháng 6, năm Kiến-tân thứ hai (1399), Hồ Quý-Ly mặc áo « Bồ hoàng » (1), đi 12 chiếc lọng vàng, liền bị Nguyễn Dụng-Phủ (2) đàng thư-hặc rằng «...bồ-hoàng là thứ áo gì ! Đối với sự gửi-gắm của Tiên-đế (chỉ vua Trần Nghệ-Tông) còn ra sao nữa ? » (Khâm-định Việt-sử, quyển 11, tờ 35).

Đến đời Lê Trung-hưng (1533-1787), họ Trịnh nắm hết quyền chính, chỉ để cho vua Lê giữ cái hư vị mà thôi. Thế mà suốt một thời gian hơn hai trăm rưởi năm, không một chúa Trịnh nào dám lấn-lướt đến cái sắc vàng là món «độc quyền » của Lê-đế !

Khoa thi Hội năm bính-thìn (1916), trong các đầu bài thi có bài chiếu đề là « *Nghĩ kim trung ngoại thần dân y phục bất đắc cận dụng hoàng sắc chiếu* » (3). Tỏ ra Triều-đình bấy giờ thường vẫn băn khoăn về nỗi thần dân đàng trong đàng ngoài hay lấn dùng màu vàng trong đồ ăn-bận, nên mới ra bài chiếu ấy để cảnh cáo họ, ngăn-ngừa họ.

Xét qua mậu vàng theo lịch-sử như thế, ta thấy khi nào cái quan-niệm về giai-cấp quá nghiêm-khắc thì phương-diện mỹ-thuật không được nảy-nở tự-do.

Sử ta xưa chỉ để ý ghi-chép những việc sửa định thể-chế về áo mão chỗ văn võ bách quan, như triều Đinh làm vào năm ất-hợi, Thái bình thứ sáu (975) (4), triều Trần làm vào tháng 10, năm canh-tý, Hưng-long thứ tám (1300) (5) và tháng 6, năm bính-tí, Quang-thái thứ chín (1396) (6) v.v., chứ ít khi nói đến kiểu ăn-bận của dân-chúng.

Dẫu vậy, nhân một vài bằng-chứng, ta cũng có thể biết sơ được lối ăn-mặc của dân ta ngày xưa :

Hồi Minh thuộc (1414-1428), người Minh, muốn làm tiêu-giệt văn-hóa cố-hữu của ta, có ra lệnh buộc phụ nữ ta phải bận áo ngắn, quần dài, theo hệt lề-thói Bắc-quốc. (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 12, tờ 42 a). Như vậy ta biết chắc rằng, trước khi có cấm lệnh ấy, phụ-nữ bình-dân ta mặc váy và áo dài.

Có lẽ « áo khách » là thứ áo *cánh may theo kiểu tàu* của ta được lưu hành từ hồi bấy giờ cho mãi đến khi ta đã âu-hóa mà lác đác trong đám các cụ có người còn mặc đó chăng ?

Bình-định vương Lê Lợi vùng dậy từ Lam-sơn, kéo lá cờ nghĩa, đánh Minh ròng-rã 10 năm (1418-1428), chính là đại-biểu cho cái khuynh-hướng của dân-chúng nổi dậy chống những thế-lực có tính-cách lấn-lướt đến văn-hóa cố-hữu ấy.

***

Cái lối chít khăn « đầu rìu » của đàn-ông ta trong dân-dã trước kia chừng là một lề-thói từ đời Lê Giụ-Tông (1705 — 1728) còn rớt lại. Nguyễn năm 1718, thượng-thư Nguyễn-Hãng đi sứ sang Thanh, có khảo-sát pháp-chế nhà Minh xưa rồi lượm lấy đem về. Khi làm tướng quốc, ông có sắp đặt về phẩm-phục. Lối ăn-mặc thường (yếu phục) của hàng văn thì khăn mỏng (lương cân), của hàng võ thì khăn *đuôi én* (yến vĩ cân) (*Tang thương ngẫu lục*, quyển trên, tờ 10 b — 13 b). Có lẽ lối khăn « đầu rìu » tức là biến hình của lối khăn « đuôi én » ấy ?

Một bài khác, tôi sẽ nói đến lối phục sức của ta từ khi âu hóa.

H. B.

(1) Bồ-hoàng là thứ nhị hoa hương bồ, trông như vầy vàng. Chừng Quý-Ly bấy giờ mặc áo điểm những chấm vàng ông-ảnh ?

(2) Người huyện Hoằng-hóa, tỉnh Thanh-hóa.

(3) Nghĩ một bài chiếu : cấm thần dân trong ngoài không được dùng màu vàng trong đồ ăn mặc.

(4, 5, 6) Khâm định Việt-sử quyển 1, tờ 6 a ; quyển 8, tờ 37 b — 38 a ; quyển 11, tờ 25.

VĂN HÓA VẬT-CHẤT

Số 3

Ông-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Có một nền văn-hóa cũng cổ như văn-hóa người chim-chích, là văn-hóa Tasmanie (forme culturelle tasmanoïde). Văn-hóa này lan cả ra đầu phía đông-nam châu Úc (Australie) là chỗ đối diện với đất Tasmanie, tức là sang đến chỗ dân Kournai và Chepara, rồi sang đến chỗ « đất lửa » (Terre-de-feu), nhất là vào đám dân Yahgan. Lại lan sang cả xứ Californie ở phía tây Bắc-Mỹ, và dân Bochiman ở châu Phi. Có một điều lạ là những chỗ dân ở vào đầu phía nam châu Phi, châu Úc và châu Mỹ, tuy cách nhau xa lắm, mà văn-hóa lại giống nhau như đúc, giống nhau cả từ nhân-chủng cho đến cả loài động-vật (G. Montandon, *L'ologénèse culturelle*, trang 57-61).

Người Tasmanie hình như cao đến 1 thước 66 phân tây, đầu dài (sous dolichocéphale), mặt to, hàm răng nhô ra đằng trước, mũi tẹt mà to, tóc ngắn mà quăn; hiện nay không còn một người nào cả; người Tasmanie sau cùng là người đàn bà chết năm 1878 (J. Deniker, *Les races et les peuples de la terre*, trang 599; G. Lespagnol, *L'évolution de la terre et de l'homme*, trang 480).

Cách kiếm ăn chính là lối đi hái; biết bắt cá mà chưa biết dùng móc câu, chưa biết nuôi chó; vậy có thể nói rằng lối văn-hóa đầu tiên chưa biết nuôi súc-vật.

Người Tasmanie lấy lửa bằng lối xát gỗ: trước hết đục một cái rãnh vào miếng ván, vót một miếng gỗ tròn như chiếc đũa của ta, lấy một nắm cỏ khô để xung quanh cái rãnh rồi cầm chiếc đũa, để một đầu vào rãnh, xát đi xát lại mãi, tự-nhiên bật ra lửa. Xem như thế thì lối xát gỗ cổ hơn tất cả các lối khác còn như lối lấy lửa của người chim-chích thì không biết đích lối nào cổ hơn cả, vì họ có những hai ba lối. Người Kournai thì dùi gỗ: lấy một miếng ván đục lỗ tròn và lấy một chiếc đũa, để một đầu vào lỗ, rồi hai tay xoay mãi như lối thợ mộc khoan gỗ cho đến lúc bật lửa ra, bén vào nắm cỏ hay nắm lá khô: như thế gọi là dùi gỗ, có người gọi là dùi cây. Lối này dùng nhất ở Úc-châu. Nước ta và nước Tàu ngày xưa có lẽ cũng lấy lửa bằng lối này, nên hãy còn truyền tụng bốn tiếng « dùi cây lấy lửa », sách Tàu thì chép chữ « toàn mộc thủ hỏa ». Người Yahgan lại còn biết đánh đá lửa nữa.

Nhà ở thì đan lá thành phên mà lợp, tức là lối mái bằng, hoặc làm thành túp từ dưới đất khum-khum lên như hình tổ ong, và lợp nóc như hình nón chúp, tức là lối mái nhà ở phía nam Trung-kỳ bây giờ.

Người Tasmanie không có quần áo mà cũng không biết lấy một thứ lá gì để che thân. Những dân khác, thuộc về văn-hóa Tasmanie, lại không để lộ thân như thế. Người Fuégien ở xứ rất rét và gió luôn, cũng để thân-thể trần-truồng: thật là dân khỏe chịu rét nhất hoàn-cầu. Người Esquimaux ở chỗ rét hơn, nhưng còn có quần áo dầy và lều túp để ngồi núp cho ấm.

Người Tasmanie có những ngọn mác và gậy ngắn (tức nhà quê gọi là gậy tầy) để ném và để đỡ. Người Yahgan có một thứ giáo để ném, đầu giáo cắm một miếng xương nhọn có ngạnh hay là một đường viền hình răng cưa: họ dùng để bắt cá và đi săn. Có khi tháo cái mũi giáo ấy làm cái lao để bắt cá to. Dân thuộc về văn-hóa Tasmanie không biết dùng cung.

Họ có cái gậy để bới đất hoặc đào đất. Những đồ bằng đá thì nhiều, như dao, nạo, cào, nhưng sơ sài mà không có cán, không có chuôi gì cả. Đồ đựng thì có bao da và giỏ đan, là cái thành-tích cao-quí nhất của văn-hóa Tasmanie. Những cái giỏ ấy có lối đan xoắn như kiểu rút rế của ta, có lối cũng đan xoắn nhưng có nan thẳng ở giữa như kiểu đan sọt của ta. Người Yahgan và những láng-giềng trên bờ biển Thái bình-dương, có bốn lối đan thúng, mủng, giỏ, sọt: ba lối đan kiểu rút rế, một lối đan kiểu sọt, nhưng nan xoắn nhiều hơn nan thẳng.

Người Tasmanie cùng những man-di ở Californie, có một thứ bè làm bằng vỏ cây quấn lại như hình cái ống, một ống ở giữa thì hai đầu cong lên và nhỏ đi, hai ống hai bên thì thẳng, buộc ba ống làm một, thành cái bè, trông xa cũng như cái thuyền hoặc cái xuồng, dài độ ba thước tây, rộng một thước tây, ngồi được ba bốn người, chỉ dùng để đi từ đảo nọ sang đảo kia, chứ chưa thấy ra đến bể khơi.

Những người man-di ở Californie thì làm bè bằng ba bó sậy to hơn, buộc làm một, dài đến mười thước tây, có cái làm to lắm thấy đi gần khắp bờ biển Thái-bình, châu Mỹ và thượng-lưu sông Nil ở phía đông châu Phi.

Người Tasmanie có tục lấy nhiều vợ; địa-vị người vợ cũng khá. Người Yahgan chỉ lấy một vợ, biết quyền sở hữu, đặt hội-hè, mà trong những cuộc khiêu-vũ thì đeo mặt nạ.

(*Xem tiếp trang 21*)

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 5

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

IV. — Chính-sách người Tàu đối với nước Nam

Người Tàu cai-trị nước ta, kể từ Triệu-Đà trở đi (207 trước T. C.), có thể chia ra làm hai thời-kỳ. Thời-kỳ thứ nhất từ đời Hán (111 trước T. C.) đến đời Đường (905 sau T. C.) : trong khoảng hơn một nghìn năm ấy, thỉnh-thoảng nước ta có người nổi lên tự-chủ, như Trưng-vương, Lý Nam-đế, Mai Hắc-đế, Bố-cái đại-vương, nhưng trị-vì không được bao lâu, chỉ được một đời hoặc vài ba năm mà thôi, nên không cần phải tách-bạch ra làm mấy kỳ Bắc-thuộc. Lần thứ hai mất 15 năm (1413-1428), bị người Minh sang xâm-chiếm : chính ra chỉ có bốn năm mà thôi, vì mãi đến tháng chạp ta năm 1413 vua Trần mới bị người Minh bắt, và năm 1418 vua Lê Lợi đã nổi lên, xưng là Bình-định vương, nhưng lúc ấy vua Lê Lợi chưa lấy niên-hiệu, dân-gian hãy còn theo niên-hiệu Tàu.

Hai lần nước ta bị nội-thuộc như thế, người Tàu cai trị ra làm sao, chính-sách ra thế-nào ?

Sách thường chép : một nước lớn đối với các nước dưới quyền, chỉ có mấy cách như sau này : một là bá-chủ, hai là lợi-dụng, ba là thực-dân, bốn là đồng-hoa, năm là hợp-tác, sáu là khai phóng.

Nước Tàu lúc đầu sang ta không phải có nhiệt tâm khai hoa như người Ả rập đi truyền giáo sang Âu-châu vào thế-kỷ thứ 7, cũng không phải chỉ tìm vàng như Tây-ban-nha sang Tân-thế-giới vào thế-kỷ thứ 16, lại cũng không phải vì trong nước thiếu chỗ ở phải di dân ra nước ngoài như người Anh ở thế-kỷ thứ 17.

Mở sử ta có đoạn chép rằng : « Năm đinh-hợi (214 trước T. C.) là năm 44 của vua Thục An-dương-vương, mà là năm 33 của Tần Thủy-hoàng bên Tàu, lúc bấy giờ người Tần tham nước ta nhiều châu-báu, muốn thôn-tính đất ta, mới bắt những bọn trốn thuế, gửi rể (nghèo không cưới vợ được) và đi buôn ở các đạo ra làm lính, sai hiệu-úy là Đồ-Thư đem đi, sai ngự-sử tên là Lộc đào cừ để vận lương, đi sang thẳng Lĩnh-nam, giết vua nước Tây-âu là Địch-vư-Tống, cướp lấy đất Lục lương của ta, đặt ra ba quận là Quế-lâm, Nam-hải và Tượng-quận. Người nước ta đều vào trong rừng rậm, không chịu làm với người Tần, lại ngầm đặt người giỏi làm tướng, đêm ra đánh người Tần, giết được hiệu-úy là Đồ-Thư. Nhà Tần mới bắt 50 vạn dân có tội ở bên Tàu, cho Nhâm-Ngao làm quan úy quận Nam-hải, Triệu-Đà làm quan lệnh huyện Long-xuyên, đem những dân ấy sang đóng đồn ở Ngũ-lĩnh. Nhâm-Ngao và Triệu-Đà mới nghĩ đến cái mưu cát-cứ và thôn-tính nước ta » (*Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, quyển 1, tờ 14 a-b).

Xem như thế, thì người Tàu lúc đầu sang ta đã gồm cả ba cách bá-chủ, lợi-dụng và thực dân. Còn như cách đồng-hóa, hợp-tác và khai-phóng, sẽ xét sau trong truyện những người sang đô-hộ. Nhưng đại-khái có thể nói tóm ngay rằng phần nhiều chỉ lợi cho họ, ít lợi cho ta. Tuy vậy, trong những ông quan sang cai-trị ta, cũng có nhiều ông có chính-sách hay, như ông Huống-Điềm, sử ta không thấy chép đến, chỉ thấy quyển *An-nam chí nguyên* (quyển 2, trang 150) dẫn sách *Nam-Việt chí* như sau này : « Huống-Điềm (tên tự là Lâm dương, người Trung-sơn) làm tư-đồ, vì người cương-trực, bị tội phạm thượng, phải ra làm thứ sử châu Giao, chính-sự thanh, ân-huệ khắp, rất được lòng dân ».

Cũng có nhiều người tham-khắc, nên dân lại nổi loạn, bên Tàu lại phải cử người khác sang cai-trị.

Lại xem như truyện Trương-Kiều dưới này, trong có lời đề-nghị của Lý-Cố nói về việc di-dân, tức như cái chính-sách của vài nước Âu-châu đang thực-hành bây giờ ; đọc kỹ lời đề-nghị ấy, sẽ thấy còn nhiều chính-sách khôn-khéo, hiện nay người ta còn theo.

***

Tháng tư năm đinh-sửu (137 sau T. C.), hiệu Vĩnh-hòa thứ hai đời Hán, người Chàm ở huyện Tượng-lâm, quận Nhật-nam, tên là Khu-liên (Çri Màra), kéo vài nghìn người đánh phá huyện đường đốt thành và chùa, giết trưởng-lại. Thứ-sử Giao-chỉ là Phàn Diễn đem hơn vạn quân ở quận Giao-chỉ và quận Cửu chân đến cứu. Quân sĩ sợ đi xa, quay lại đánh phủ trị. Phàn Diễn dẹp yên được bọn làm phản, nhưng trong khi ấy thế của bọn Khu-liên lại mạnh thêm lên.

Thị-ngự-sử bên Tàu là Giả-Xương đi kinh-lược Nhật-nam, cùng với quan quân ở châu quận,

góp sức để đánh Khu-liên, nhưng không được, lại bị vây. Hơn một năm quân và lương không đem đến được. Vua nhà Hán lấy làm lo, vời các quan công khanh và duyện-thuộc bốn phủ đến hỏi mưu-kế: ai cũng bàn sai tướng đem bốn vạn người ở bốn châu Kinh, Dương, Duyện, Dự sang đánh.

Đại-tướng-quân tùng-sự trung-lang là Lý-Cố bác rằng: « Châu Kinh, châu Dương thì trộm giặc tụ họp; quận Tràng-sa, quận Quế-dương thường bị bắt ra lính nhiều lần; nay nếu lại bắt đi, chắc là sinh biến. Còn người ở châu Duyện, châu Dự, nếu bắt đi xa đến muôn dặm, mà chiến-thư thúc-dục, chắc sinh ra làm phản hoặc đi chốn. Đất Nam châu ẩm-thấp và nóng-nực, lại thêm khí độc: quan quân đến đấy mười phần, chắc chết bốn, năm. Đi xa muôn dặm, quân sĩ nhọc mệt, đến được Lĩnh nam, lại không chịu đánh. Quân đi mỗi ngày được 30 dặm, mà từ châu Duyện, châu Dự, cách quận Nhật-nam hơn chín nghìn dặm, phải 300 ngày mới đến, mỗi người phải đem năm tháng lương lính ra đến 60 vạn hộc gạo, chưa kể những lương ăn của tướng-lại và lừa ngựa. Mang theo đồ nặng như thế, đi được đến nơi mà hạ trại, chắc là chết và trốn đi mất nhiều. Đã không đủ chống nhau với giặc, lại đem đi như thế, sức là cắt lòng và bụng (làm phúc) để và bốn chân tay. Quận Cửu-chân cách quận Nhật-nam đó nghìn dặm, đem lại dân đi còn chẳng chịu nổi, huống chi lại bắt khổ dân bốn châu để chịu cái nạn muôn dặm được ư! Trước kia trung-lang-tướng là Doãn-Tựu đi đánh những quân làm phản ở châu Ích, người châu Ích có câu ngạn-ngữ rằng: « Giặc đến còn khá, họ Doãn đến chỉ giết ta » (Lỗ lai thượng khả, Doãn lai sát ngã). Sau phải vời Doãn-Tựu về, lấy quân giao cho thứ-sử là Trương-Kiều (cựu-sử chép nhầm Trương-Kiều làm chức châu-phản). Trương-Kiều nhân tướng-lại ấy, trong một tuần-nhật dẹp yên tất cả giặc cướp: ấy là cái bằng-cớ đem tướng đi vô-ích, dùng người châu-quận còn hơn. Nay nên chọn người có dũng-lược nhân huệ làm nội tướng-sủy, cho sang làm thứ-sử, thái-thú, cùng đi một lúc sang Giao-chỉ. Ở Nhật-nam quân ít, lương không có, giữ đã không đủ sức, đánh lại sao nổi, nên cho đem tất cả lại dân về phía bắc Giao-chỉ (tỉ kỳ lại dân, bắc y Giao-chỉ), sau khi yên việc, cho về chỗ cũ. Lại mộ quân man-di để đến đánh, lấy vàng lụa để dử, người nào dụ được chúng đầu hàng, sẽ cắt đầu phong hầu cho. Quan thứ-sử cũ ở Tinh-châu là Chúc-Lương (người huyện Lâm-tương, quận Tràng-sa) tính người dũng-quyết, và Trương-Kiều là người Nam-dương trước kia đã có công dẹp giặc ở Ích-châu, đều dùng được cả, nên phong ngay cho họ Chúc-Lương, Trương-Kiều và sai đi đến chỗ làm quan ».

Bốn phủ đều theo lời bàn của Lý-Cố. Vua liền phong cho Chúc-Lương làm thái-thú Cửu-chân, Trương-Kiều làm thứ-sử Giao-chỉ. Trương-Kiều đến châu lấy lòng thành-thực dụ bảo, ai cũng hàng phục. Chúc-Lương đi xe một mình đến Cửu-chân, lấy uy-tín bảo dân, hàng được vài vạn người (chép theo *Đại-Việt Sử-ký toàn-thư*, quyển 3, tờ 5 b; còn *Khâm-định Việt-sử*, quyển 2 tờ 21 b, chép Trương-Kiều đến châu vỗ-về, hiểu-dụ: bọn làm phản đều hàng và tan đi; Chúc-Lương đến Cửu-chân đi xe một mình vào trong đám làm phản, bày mưu-kế tỏ ra uy-tín, hàng được đến vài vạn người), từ bấy giờ đất Lĩnh-ngoại (tức Tượng-lâm) lại yên.

*

Dưới truyện Trương-Kiều, sử ta chép truyện Hạ-Phương, Chu-Tuất và Giả-Tung, tôi dịch ra đây để độc giả xem cái chính-sách của người Tàu đối với dân ta trong hai thế-kỷ thứ nhất và thứ nhì ra làm sao.

Hạ-Phương, người đời Hán, quận Cửu-giang, tên tự là Công-Lược. Tháng mười năm giáp-thân (144 sau T. C.), niên hiệu Kiến-khang thứ nhất đời Hán, hơn nghìn người ở quận Nhật-nam đánh đốt quận-ấp, phiến-động đến quận Cửu-chân, cùng liên-kết để làm loạn. Hạ phương làm thứ-sử Giao-chỉ, chiêu-dụ bằng ân-đức: bọn phản-nghịch đều hàng phục. Khi Lương thái-hậu lâm triều, khen công Hạ-Phương, thăng làm thứ-sử Quế-dương (*Khâm-định Việt sử*, quyển 2, tờ 22 a, chép là thái thú Quế-dương; *An-nam chí nguyên*, trang 149, chép là thứ-sử), cho Lưu Tảo sang thay. Cách ít lâu có quan lệnh ở huyện Cơ-phong tham-bạo quá chừng; người trong huyện là Chu-Đạt tụ-họp quân man-di đánh giết huyện-lệnh, quân đến bốn, năm nghìn người đánh quân Cửu-chân. Thái-thú Cửu-chân là Nghê-Thú chống nhau bị chết. Nhà Hán đô-úy quận Cửu-châu là Ngô Lãng đến phá được. Nhưng đầu sỏ còn đóng đồn giữa N

(Xem tiếp trang

Danh-nhân nhà Trần

Từ TRẦN-BÌNH-TRỌNG đến TRẦN KHÁT-CHÂN và TRẦN CÔNG-HẠNG

(Tiếp theo và hết) NHẬT-NHAM

NĂM thứ 12 niên hiệu Xương-phù đời Trần-Phế-đế (1388), Khát-Chân và Công-Hạng đều thi đỗ Thái-học-sinh.

Kịp khi vua Thuận-Tôn (1388-1398) lên ngôi, năm thứ bá niên-hiệu Quang-thái (1390), Khát-Chân được phong làm Long-tiệp tướng-quân.

Bấy giờ, trong triều Lê-Quý-Ly chuyên quyền, chọn những người thủ-túc cho cai quản các đội quân để làm vây cánh; ngoài thì giặc-giã nổi lên cướp phá các trấn, dân-tình khổ-sở trong cảnh lầm than!

Lợi-dụng tình-thế ấy, quân Chiêm-thành sang xâm-lấn bờ cõi nước ta. Năm kỷ-tỵ (1389), Chế-Bồng-Nga đem quân ra đánh Thanh-hóa. Thượng-hoàng Nghệ-Tôn sai Thủ tướng Lê Quý Ly xuất chư tướng đem binh vào chống giữ ở xã Cổ-võ. Quân ta đóng cọc ngăn sông, chống nhau với giặc hơn 20 ngày, bất phân thắng phụ. Bên địch phục binh, rồi giả trá rút quân về. Lê-Quý-Ly không ngờ, đem toàn quân thủy bộ đuổi đánh, bị phục binh bên địch đổ ra giết hại mất nhiều. Lê-Quý-Ly đại bại, chạy trốn về kinh, để tỳ-tướng là Phạm-Khả-Vĩnh và quyền Thánh-dực-quân tướng là Nguyễn-Đa-Phương ở lại chống nhau với địch quân tại Ngu giang. Nguyễn-Đa-Phương liệu sức không đương nổi thế giặc, bèn giả cờ, dàn thuyền, để dương thanh-thế, rồi chờ đến đêm, trong lúc quân Chiêm-thành không để ý tới, yên lặng rút quân về.

Đến tháng 11 năm ấy (1389), quân Chiêm-thành lại tiến đến sông Hoàng-giang (khúc sông Hồng-hà thuộc phủ Lý-Nhân tỉnh Hà-nam). Thượng-hoàng Nghệ-Tôn sai quan Đô-tướng là Trần-Khát-Chân đem quân ra cự địch.

Trần-Khát-Chân phụng mệnh, khẳng khái, khóc mà nói rằng: « Nước Chiêm-thành vẫn được nước ta phụ dung. Từ niên-hiệu Đại-trị (1358-1369) trở về trước, năm nặm vẫn thường cống tiến nước ta. Thế mà bắt đầu từ niên-hiệu Thiệu-khánh (1370-1372), quân Chiêm-thành dám xâm-lược vương-kỳ, khinh-phạm xa-giá, tội không thể dung được. Đại-tướng xuất-sư đều đại bại trở về. Nay thần phụng mệnh xuất-chinh, nếu bình được Chiêm-thành thì thật là trời quang mây tạnh để lộ mặt trời tươi sáng lúc bình minh. Túng sử Chiêm-thành thế mạnh, không đương nổi thần sẽ về ngay cửa khuyết ».

Trần-Khát-Chân nói xong, lạy, khóc, rồi ra đi. Thượng-hoàng cũng giọt châu lã-chã tuôn rơi.

Trần-Khát-Chân đem quân từ Lô-giang đến Hoàng-giang, ngắm xem địa thế không lợi cho việc hành-quân, bèn rút quân về đóng ở sông Hải-triều (sông Luộc thuộc địa-phận Tiên-lữ, Hưng-yên).

Tháng giêng năm Canh-ngọ (1390), Chiêm-chủ là Chế-Bồng-Nga đem hơn 100 chiến-thuyền đến xem hình-thế quan-quân bên ta. Các thuyền chưa kịp họp lại thì tiểu-thần của Chế-Bồng-Nga là Ba-Lậu-Kê bị trách phạt. Kê sợ phải giết, bèn chạy đến doanh Long-tiệp hàng với Trần-Khát-Chân. Khi Bồng-Nga đem hơn 100 thuyền đến gần trại Khát-Chân, Ba-Lậu-Kê chỉ thuyền Chế-Bồng-Nga cho Khát-Chân mà rằng: « Chính chiếc thuyền sơn xanh kia là thuyền chúa Chiêm-thành! »

Khát-Chân bèn truyền quân-sĩ lấy súng cùng hướng vào thuyền ấy mà bắn. Chế-Bồng Nga trúng phải đạn, chết ngay trước khoang thuyền.

Quan quân đổ ra đánh. Địch-quân đã mất chủ-tướng, đều sợ hãi bỏ chạy cả. Quân ta cắt lấy thủ-cấp Bồng-Nga đem về kinh báo-tiệp. Còn thi-thể Bồng-Nga thì tướng Chiêm-thành là La-Khải cướp được, đem hỏa-táng, rồi trở về nước, chiếm lấy ngôi vua Chiêm-thành. Hai người con Bồng-Nga phải chạy sang hàng nhà Trần, đều được đặc-phong tước hầu cả.

Khát-Chân dẹp xong giặc Chiêm-thành sai Quân-giám là Lê-khắc-Khiêm đem thủ cấp Bồng-Nga dâng Thượng-Hoàng rồi kéo quân về kinh, ca khúc khải hoàn. Thượng-hoàng trông thấy thủ-cấp Bồng-nga, rất đỗi vui mừng, tự ví mình như Hán-Cao-Tổ thấy đầu Hạng-Vũ.

Vua Thuận-tôn định công thưởng tước cho các tướng-sĩ, phong Khát Chân làm Phụng-chấn hội-vệ thượng-tướng-quân, gia phong Vũ-tiết Quan-nội-hầu, được cấp hai tổng Đông-thành và Nguyễn-xá làm thái-ấp.

Niên-hiệu Quang-thái năm thứ 4 (1391), vua Thuận-Tôn phong Công-Hạng làm Thái-bảo, gia phong Thượng-vị-hầu và cấp hai xã Hưng-nguyên, Trường-lạc làm thái-ấp.

Sau vua Thuận-Tôn lại ban xã Cổ-mai (nay là Hoằng mai) cho hai anh em Khát-Chân làm thái-ấp. Khát-Chân và Công-Hạng sai đắp đất làm nhà tại Cổ-mai để ở.

Từ khi giặc Chiêm-thành đã bình, Lê-Quý-Ly càng ngày càng rông-rỡ. Uy-quyền ngày một to, vây cánh ngày một nhiều.

Sau khi Thượng-hoàng Nghệ-tôn đã thăng-hà (1394), Quý-Ly lên làm Phụ-chính thái-sư, chuyên làm mọi việc để mưu sự thoán-đoạt.

Đến năm mậu-dần (1398), Quý-Ly bắt Thuận-tôn phải nhường ngôi cho con là Án mới lên 3 tuổi. Thái-tử lên ngôi tức là Thiếu-đế.

Lê-Quý-Ly làm phụ-chính, tự xưng là khâm-đức hưng-liệt đại-vương, rồi sai người giết Thuận-tôn đi.

Trần-khát Chân thấy vậy bàn với em: « Anh em ta thụ hậu-ân của triều-đình, không thể không báo đáp. Ngày nay, Lê-Quý-Ly thí nghịch, tội ác tràn ngập cả trời đất, nếu không trừ ngay, tất hại về sau. »

Rồi hai anh em liên-kết triều-thần, lập đảng để mưu-trừ Quý-Ly.

Gặp thời Lê-Quý-Ly hội các quan trên đỉnh núi Đốn-sơn (Thanh-hóa) để hành lễ minh-thệ. Khát-Chân thỉnh Quý-Ly lên ngồi trên nhà lầu trông xuống. Quý-Ly dùng nghi-vệ như của thiên-tử. Một mặt Khát-Chân mật sai Phạm-Tô-Thu và Phạm-Ngưu-Tất giấu kiếm, đứng bên cạnh Quý-Ly, để thừa cơ ám-sát. Phạm-Ngưu-Tất để lộ chuôi kiếm ra ngoài. Khát-Chân đưa mắt báo Ngưu-Tất biết, nhưng Ngưu-Tất không để ý tới. Quý-Ly hãm động, đứng dậy, nhờ có vệ-sĩ ủng-hộ, nhảy được xuống đất. Phạm-Ngưu-Tất ném theo kiếm, nhưng không trúng.

Việc bại-lộ Lê-Quý-Ly bắt hai anh em Trần-Khát-Chân, Trần-Công-Hạng, Phạm-Ngưu-Tất cùng thân-đảng; hơn 370 người đều bị hại, tảng cả tại Đốn-sơn. Gia-quyến đều bị bắt con gái thì làm nô tỳ, con giai từ một tuổi trở lên thì hoặc hoặc bị giết, hoặc bị gim xuống sông. Một mặt Quý-Ly cho tầm-nã các dư-đảng để trừ cho hết rễ.

Gia-nô của Trần-Khát-Chân là Vũ-Toản trốn được về Đông-đô (Hà-nội) đến làng Cổ-mai thu hết gia-tài của hai anh em Khát-Chân đem phân phát cho người trong xã. Dân Cổ-mai lập miếu phụng-sự, lấy đá khắc tượng thờ.

Hiện-nay, có đền thờ tại sườn núi bên đồng Đốn-sơn, lại có đền thờ tại xã Phương-nhai, cạnh đường Hoa-thạch, ba tổng Cao-mật, Bỉnh-bút, Nam-cai phụng-sự.

Đến niên hiệu Hồng-đức (1470-1497) năm thứ 5, Triều đình nêu-rột những người trung-nghĩa, ra lệnh cho các quan phủ, huyện tìm kiếm con cháu hai anh em Khát-Chân, nhưng không còn một ai, nên phải tìm một người tộc thuộc cho coi việc quan và thu thuế cung phụng hương hỏa.

Các triều đều bao phong làm Thượng-đẳng phúc-thần.

Về việc Trần Khát-Chân và Trần-Công Hạng mưu giết Lê Quý-Ly, không thành, rồi đều bị hại mấy sử-gia có hạ lời phê-bình:

Sử-thần Ngô-sĩ-Liên chê là vì bị oai thế Quý-Ly lớn nên làm mất cả khí-phách, nên khiếp sợ mà thất bại.

Ngô-thời Sĩ chê là mưu của kẻ sất-phu; việc cần phải nhanh chóng mà chỉ vì chi nghi, thủ họa. Cuối đời Trần, nhân tài suy kém, đều như thế cả.

Đó là những nhời phê-bình vội vàng của sử-gia thường quen trách bị kẻ hiền-giả đó thôi.

Có biết đâu đương-thời Quý-Ly thế như mãnh hổ gầm ghì, ai đứng sau mà chẳng khiếp-đảm! Thế mà một mình Khát-Chân dám cùng em là Công-Hạng mưu giết Quý-Ly, đứng lên khởi xướng, cho thiên hạ tuyệt-diệt kẻ loạn tặc, khiến không để có chỗ dung-thân trong vòng trời đất. Tuy việc chẳng thành, nhưng khí anh-liệt vạn thế cùng tạo-hóa trường thọ hương-hỏa miếu-mạo sáng sủa như mặt trời, mặt trăng. Ngàn năm sự-nghiệp còn ghi, hình ảnh bất diệt, đời đời khởi kính.

Như vậy há nên lấy cuộc thành bài mà luận anh-hùng ru!

Ôi! Việc có thành bại, thân có an nguy, tuy việc mưu giết Quý Lý không thành, anh đành chết theo xã tắc nhà Trần mà em cũng vui lòng nối gót anh, không chịu thụ ân Hồ-ngụy, cam tử-tiết dưới chân núi Đốn-sơn, để bao năm chính khí vẫn còn nghìn thu phương danh bất hủ.

Từ Trần bình Thoạt tuẫn tiết không chịu « làm vương đất Bắc » đến anh em Trần Khát-Chân, Trần Công-Hạng, không chịu khuất phục Ngụy Hồ, một dòng võ-tướng, một nhà trung nghĩa, vạn cổ lưu phương thực không thẹn là dòng dõi vua Lê-đại-Hành, một vị Hoàng đế đã từ Hoa Lư mở nước bắc phá Tống, nam bình Chiêm để đem lại cho tổ-quốc cuộc thái bình thịnh-trị! (Hết)

NHẬT-NHÂN

« ĐÊM LAM SƠN »

(kịch lịch-sử 4 hồi của Hoàng-Mai)

Tô Kiều-Phương Viết

rong ba đêm diễn kịch (14, 21, 24 juillet 1943) do sanh viên Nam kỳ tổ chức tại nhà hát địa phương Saigon, vở *Đêm Lam Sơn* của Hoàng-Mai được diễn đến hai lần.

Lần thứ hai vào đêm 24 juillet càng đặc sắc hơn lần đầu.

Trước khi khai diễn, trước lò hương đượm, một đám sanh viên mặc quốc phục, vẻ thành kính hoài niệm người xưa, đứng đợi bạn Mai văn Bộ nói xong về ý nghĩa vở Đêm Lam Sơn, rồi mới trỗi giọng hát bài Đêm Lam Sơn của nhạc sĩ Lưu hữu-Phước.

— ...Đã bao nhiêu lâu, chúng ta sống như những kẻ vong bản. Ngày nay nhân có phong trào quốc gia phục hưng, ta mới tỉnh ngộ quay lại nhìn dĩ vãng. Nhiều đấng anh hùng cứu nước sự nghiệp hiển hách của quốc sử bị ta bỏ quên, trong số đó Lê-Lợi, Nguyễn-Trãi, đất Lam Sơn khởi nghĩa diệt quân Tàu đem lại sự độc lập cho dân ta rất vẻ vang. Đem diễn vở *Đêm Lam Sơn*, anh em sanh viên chúng tôi không có cao vọng đạt được tới chỗ tới cao của kịch trường, mà chỉ là xem đó là một phương tiện nhắc nhở đồng bào hồi lại một đoạn lịch sử rất vẻ vang của dân tộc ta. Chúng tôi xin quí ngài hãy đứng dậy (khán giả nhất loạt đứng dậy ca) cùng chúng tôi kính cẩn cúi đầu trước hương đang toả khói lam nghi ngút hình như sắp bay đến tận non Lam ngày nay hãy còn bảng bạc cùng cỏ cây mây nước Nam-Việt ».

Một tràng pháo tay đưa bạn Mai văn-Bộ vào. Và ai nấy đều lắng nghe khúc nhạc *Đêm Lam Sơn* u buồn mà không kém vẻ hùng dũng.

Lòng khán giả đang còn rộn ràng bao nhiêu phấn khởi, sôi nổi bao nhiêu nhiệt huyết, thì trong hồi đầu, cảnh cha con Nguyễn-Trãi biệt nhau nơi quan tái, liền đem đến một tê tái gợi lên bao nhiêu xót thương và kính phục đối với vị lão quan Nguyễn phi-Khanh, khi ông dặn con lúc biệt ly:

— *Nhớ cha phải nhớ lo cho nước. Đừng để giang sơn chịu thiệt thòi!*

Câu ấy nay đã hình như một câu bất hủ. Chúng tôi thường nghe nhiều kẻ nhắc đi nhắc lại và đã thuộc lòng câu ấy.

Trong hồi thứ hai, Trần nguyên-Hãng (giọng giỏi Hưng-đạo Vương Trần quốc-Tuấn) giả làm kẻ bán dầu đi tìm Nguyễn-Trãi, lúc ấy đổi tên cải dạng ngồi dạy học ở một làng nhỏ. Nguyễn-Trãi nghi tân khách là một tay sai của quân Tàu đi dò xét mình nên cứ đem câu thơ của Lý thái Bạch: « *Xử thế nhược đại mộng, hồ vi lao kỳ sanh?* » tỏ bày tâm chí tầm thường của mình. Đến chừng bị Trần nguyên-Hãng mắng mới chịu tỏ thiệt tâm huyết: thù cha, nợ nước ngày đêm mang nặng bên lòng...

Thế rồi hai anh em dắc nhau đi đến Lam Sơn tìm Lê-Lợi.

Hồi thứ ba, Nguyễn-Trãi và Trần-nguyên Hãng đang còn nghi ngờ tâm thuật của Lê Lợi thì có Đỗ Phú — một tên tay sai của quân Tàu — đến viếng Lê-Lợi, thuyết Lê-Lợi hàng Tàu mưu cầu phú quí. (Trần, Nguyễn lui vào hậu dinh). Đỗ khoe giày quí, áo tốt, vợ đẹp, hầu xinh — toàn những cảnh sung sướng của những kẻ bán nước mưu cầu sự an toàn cho gia đình. Khi Đỗ về rồi, Lê-Lợi mới than một mình:

— Thế nào là mưu cầu sự an toàn cho gia đình? Phải chăng đem bán nước? Ta há quên được rằng: nước còn là gia đình còn. Nước mất, nhà cũng phải tan. Quân tiểu nhân *đừng mong đem bả vinh hoa mà cản vó ngựa thiên lý của người trảng sĩ.*

Giữa lúc ấy có kẻ thuộc hạ mang gươm báu vào dâng nạp, bảo rằng nhặt được trên núi Lam Sơn. Trong gươm thiêng, lồ lộ những giòng chữ thánh trao phó vận mạng đất Việt-Nam cho Lê-Lợi. Lê-Lợi cầm gươm báu chỉ về phía kẻ thù, thề sống chết.

Hồi thứ tư, bày cảnh đêm Lam Sơn. Trước ngọn lửa hồng, Lê Lợi trước mặt tướng sĩ thề *lấy máu rửa nhục cho nước* (khán giả vỗ tay!), ra lịnh chém đầu một kẻ thuộc hạ phản bội và quyết định xuất binh diệt quân Tàu. Nguyễn-

MỘT CUỘC ĐỐ TẬP KIỀU

(Có giải thưởng)

1 — Đinh ninh hai mặt một lời,
Trong gang tấc lại gấp mười quan san.

2 — Chút chi gắn bó một hai.
Ngoài hiên thỏ đã non đoài ngậm hương

3 — Nỗi lòng kín chẳng ai hay,
Chẳng trong chăn gối cũng ngoài cầm thơ.
Nhác trông nhờn nhợt mầu da,
Họ Kim, tên Trọng, vốn nhà Trâm Anh

4 — Nghĩ rằng khôn nỗi dầu mầu
Cơ duyên nào đã hết đâu vội gì ?
Đầu xanh đã tội tình chi ?
Chờ cho hết kiếp còn gì là duyên ?

5 — Đoạn tràng cho hết kiếp này,
Nhìn nhau giọt ngắn, giọt giài ngổn ngang.

6 — Rằng không thì cũng vâng lời....
Nghĩ con đằng vẻ, thương người nết na.

7 — Biết đâu ấm, lạnh biết đâu,
Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào.

8 — Cửa nhà dù tính về sau,
Chiều con mới dậy, mặc dầu ra tay.

Bốn câu đố 1, 2, 3, 4, đoán mỗi câu là một vật gì, (trong phạm vi Công chức).

Câu 5 : là vật gì (ngoại phạm vi Công chức)

Câu 6 : một chữ nho.

Câu 7 : tên một vị võ quan chép ở Sử Nam.

Câu 8 : một câu phương ngôn 4 chữ thường nói ở nơi hương ấm.

***

Ngoài 8 câu đố trên này, Bản Hội lại yêu cầu vịnh bằng những câu tập kiều, về hội Liễu Hữu Tương-Tế. Hạn từ 8 câu đến 10 câu (6 chữ và 8 chữ là hai câu).

Giải thưởng

Thượng : 1 năm báo Tri Tân và nửa cân trà.
Trung : 1 năm báo Tri Tân
Hạ : nửa năm báo Tri Tân

Tuy giải thưởng không đáng bao nhiêu, nhưng là một cuộc thử tao nhã. Bản hội yêu cầu các Công chức và các bạn làng văn dự chơi cho vui.

Xin đề cho : Monsieur le Président de l'Asecourfi 82 Rue Goussard Hanoi ; ngoài phong bì nên đề : *Cuộc thi đố.*

Hạn đến 15 Novembre 1943 là cuối cùng.

Bản Hội sẽ đánh số thứ tự những bài thi, và sẽ cử một ban để xét thưởng.

ASECOURFI cẩn bạch

Trải ra cản phân trần lợi hại, bày mưu thiết kế. Suốt đêm chúa tôi mưu mưu tính tính... Mà đêm hệt không hay.

Buổi rạng đông đến với *Ánh triều dương* chói rạng mang lại cho lòng đám dũng sĩ Lam Sơn một hoan lạc đặt tất cả tin tưởng vào *Ngày Mai* tốt đẹp của dân tộc, Việt-Nam.

Màn hạ. Kịch dứt.

Trước khi chia tay khán giả một đám sanh viên lại mặc quốc phục, như trước khi diễn ra đợi bạn Mai-văn-Bộ giới thiệu bản nhạc *Ải-Chi-Lăng* của Lưu-hữu-Phước, rồi mới trỗi giọng hát bản anh hùng ca ấy.

— «... Đoàn dũng sĩ Việt-Nam, Mai-văn-Bộ nói, tề tựu tại Lam Sơn đêm hôm ấy, rồi đem xương máu để đổi lấy một chiến công oanh-liệt cho giống nòi tại Ải-Chi-Lăng.

Ải-Chi-Lăng là hình ảnh của cả một thời oanh liệt qua của dân tộc Việt Nam.

Ải-Chi-Lăng là chí khí của giống nòi !

Ải-Chi-Lăng là muôn tiếng sắt rền trong máu ! »

Và bạn Mai-văn-Bộ mời tất cả khán giả đứng dậy, trước khi ra về, cùng hát với sanh viên bài « Tiếng gọi sanh viên ».

Giọng hát phụ họa vang rền gần vỡ trần rạp hát Địa-Phương Saigon !...

TÔ-KIỀU PHƯƠNG

TỨ HỨNG:

ĐỀ KIỀU

Giai nhân bất thị đáo Tiền-đường,
Bán thế yên hoa trải vị thường!
Ngọc diện khởi ưng mai thủy quốc,
Băng tâm hoàn khả đối Kim lang.
Đoạn tràng mộng lý căn duyên liễu!
Bạc mệnh cầm chứng oán hận trường!
Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy,
Tân thanh đáo để vị tùy thương?

PHẠM QUÝ-THÍCH

Dịch

Sông Tiền chưa chắc hẹn giai nhân,
Cái nợ yên-hoa chót nợ nần!
Sóng bạc nỡ gieo người quốc sắc!
Lòng son gửi lại khách tình quân.
Mộng tàn giấc điệp, này thôi kiếp!
Đàn giứt giây đồng, vẫn giận thân!
Một mảnh tài tình, muôn thủa lụy.
Thương ai gieo-giắt tả nên vần!

LÃNG-NGÂM-TỬ

Thu lỵ

Hoa trút mưa hoa, lá rụng đầy,
Chân giời sương trắng cánh hồng bay.
Ta đi, ai ở rừng xanh ấy,
Cây cỏ rầu-rầu, ngọn gió may.

Nhớ mẹ

Sương chiều buông lạnh khóe rừng tây,
Xào-xạc chim ngàn mỏi cánh bay.
Nhìn cuối thôn hoang nghi-ngút khói,
Ngảnh về non bắc đứng trông mây.

Mong ai

Mây sầu ủ mặt rừng thu,
Gió heo lạnh núi, sương mù dội khơi.
Sông thề trôi ánh trăng rồi,
Hỡi non! đứng sững phương giời mong ai?

Bà MỘNG SƠN

Nguyệt-Nga nhớ Vân-Tiên

Lơ-lửng trăng khuya bát-ngát buồn,
vườn xuân lạnh-lẽo ướp hơi sương,
ra vào thơ-thẩn thâu canh vắng,
canh cánh bên lòng nỗi nhớ thương.

*

Chỉ gặp nhau trong một buổi đầu,
ân sâu đã tạc mối tình sâu.
Trao duyên chửa cạn lời non-nước,
mà cảnh phân-ly sớm đượm sầu!

*

Ôm khối tương-tư đợi khách tình,
chàng còn mải rộn bước công danh;
Tang bồng bận trí người quân-tử,
riêng kẻ phòng khuê xót phận mình.

*

Tái-hiệp, than ôi! chẳng hẹn kỳ,
lòng mơ theo dõi bóng người đi;
chân trời góc bể mình-mông lắm,
biết thuở nào khuây nỗi biệt-ly!

*

Trông góc trời xa khói mịt-mùng,
mắt lòa ám-ảnh một hình-dung.
Đêm dài thăm-thẳm bao mong nhớ!
Tiếng trống sang canh dội não-nùng...

*

Đặt án hương thơm tưởng-niệm chàng,
bút tình ghi họa tấm dung-nhan.
Cuộc đời dẫu có nhiều thay đổi,
nguyện giữ tình chung với bạn vàng.

HOÀI VÂN
(Tây-đô văn-đoàn)

Chia tay

Mỗi bước xa vời... hai cách biệt!
Lạnh lùng hoa sữa, ánh trăng hôm...
Yêu, thương, ai gửi đâu làn gió?
Lối quạnh mơ về đượm nhớ thơm...

(1942)

GIẢN-CHI

Tạo-hóa và nhân-loại

Số 4

MINH-TUYỀN

Khuyên đệ-tử coi mình như kẻ địch
Để gắng sức cùng thầy đọ thấp cao,
Rồi lấy báo-vật — những mong khuyến-khích —
Tặng trò yêu tài trí dáng anh-hào.
Hỏi bảo-vật mà trời sẽ ban-thưởng
Cho loài người tuân mệnh múa gươm thần,
Xông vòng trận của Hóa-công vô thượng,
Là vật gì tương-xứng giá vô ngần ?
Cuộc thử sức rõ khoác hình mâu thuẫn :
Tình trong thân-ái, việc ngoài giao-tranh.
Và lẽ chết coi thường không ân-hận :
Một phen chiến-đấu, hai đường tử sinh.
Tạo-Hóa là đối-phương bất-khả-bại,
Mà Loài-Người địch-thủ chửa hề thua,
Nhưng lo-lắng thay cho đời Nhân-Loại,
Vì bại thời mất tích với ngàn thu.

VIII

Rùng-rợn quá! Trời ơi! Thê-thảm quá!
Nếu Loài-Người tiêu-diệt bởi vì hèn,
Bởi kém lực đấu-tranh cùng Tạo-Hóa,
Để địa-cầu điễn lại cảnh hoang-viên:
Không một bóng thi-nhân ngồi mơ-mộng
Trên mặt hồ in liễu, hứng tà-dương;
Không một tiếng nhạc lâm-ly cảm-động
Thường chuyền lòng chiến-sĩ lúc đêm sương;
Không mỹ-nữ yêu-kiều tha-thướt dạo
Ngoài hiên lầu phô sắc cánh hoa tươi;
Không mặc-khách ngao-du miền phương-thảo,
Chèo con thuyền đủng-đỉnh với giăng chơi.
Thành quách đổ, hoang-vu cung miếu điện;
Phố phường xưa, quạnh-quẽ cỏ rêu phong;
Làng-mạc hoá âm-u rừng vĩnh-viễn;
Tháp chùa nghiêng, lặng-lẽ tiếng chuông đồng.
Trái-Đất hỡi! Loài-Người đã tiêu-diệt!
Đâu phồn-hoa, đô-hội, cảnh thông-thương?
Đâu xưởng máy, vườn-công, nơi diễn-thuyết?
Đâu võ-đài, hý-viện với ca-trường?
Đâu hơi ấm-áp, thiêng-liêng, thần-thánh,
Phong mẹ hiền, con thảo, cháu ngây thơ,
Quanh đầu toả hào-quang vàng lóng lánh,
Chạy nô đùa bên tóc bạc phơ-phơ?
Đâu hơi ấm áp, thiêng-liêng thần-thánh,
Quây thầy trò mê-mải thú văn-chương,
Thú xuy-lý, phê-bình, tìm vận-mệnh
Của Nhân-Loại muôn năm chốn giảng-đường?
Hỡi khối hận kết-tinh thành sông núi
Để ngày sô, tháng dầy chẳng mòn hao!
Hỡi nấm mộ thiên-nhiên của Nhân-Loại
Trong vô-cùng vũ-trụ điểm hoa sao!
Nào công-nghiệp dựng xây bao thế-hệ
Đi từ thời thủ-lạp tới công thương,
Nào xả-thí lao-tâm bao thượng-sĩ
Muốn dương-gian cải-tạo hoà thiên-đường,
Nào danh tiếng vang-lừng bao hào-kiệt
Từng nâng cao, đảo lộn mỗng văn-minh,
Nào nghệ-thuật, tư-trào, với học-thuyết
Của thế-nhân khi loạn lúc thăng-bình,
Không còn một mảy may di-tích lại
Nơi cát vàng, suối bạc, liễu hồ siêu.
Nơi tuyết trắng, băng trong, hồng tráng giọi,
Nơi đồng xanh, non biếc, sóng cồn reo.
Quá-khứ đã thành tương-lai, hiện-tại!
Tiếc thế là song! Cố cũng bằng không!
Ghê-gớm thay nguyên-nhân cuộc thất-bại
Đã lôi kéo Loài-Người tới diệt-vong!
Hỡi Trái-Đất, mẫu-thân của Nhân-Loại!
Đã bao phen máu-vú chảy giòng giòng
Bởi đàn trẻ sữa măng, còn thơ dại,
Mút song chùy tranh lấy vật chơi chung?

(Còn nữa)

M. T.

Nội ung bộ

« LỊCH TRIỀU HIẾN-CHƯƠNG » (1)

Số 4

HOA-BẰNG

X. — Bang-giao chí
(Quyển ILVI-ILIX)

Mở đầu loại-chí này, tác-giả Phan-Huy-Chú có viết : « ... Nước Việt ta rộng có đất Nam, thông-hiếu với Trung-hoa. Người mình làm vua, dựng nước tuy có quy-mô riêng, nhưng trong thì xưng đế, ngoài thì xưng thần, vẫn chịu phong hiệu. Xét theo lý-do và tình-thế, thật có chỗ phải nên như vậy. Cho nên, về lễ nghi sách-phong và cống-xinh, các triều-đại vẫn coi bang-giao là việc quan-trọng. Tựu-trung thể-chế cũng tùy nghi : có thứ khinh, có thứ trọng, có cái phiền phức, có cái đơn-giản, đời trước đời sau hoặc có khác nhau, ta không nên không biết... »

Rồi tác-giả chia làm bốn phần :

1·) *Điển-lễ sách phong* (quyển 46)

Kể từ việc năm Thái-bình thứ ba (972), vua Đinh Tiên-hoàng sai Nam-Việt vương Liễn sang nhà Tống, rồi qua năm sau (Thái-bình thứ tư, 973), nhà Tống sai sứ sang sách phong vua Đinh làm Giao-chỉ quận-vương. Lần-lượt chép đến việc cuối Lê : Tôn-Sĩ-Nghị phụng mạng vua Thanh sang sách phong vua Lê Chiêu-thống làm An-nam quốc vương và ban cho ấn quốc-vương bằng vàng (Chiêu-thống năm thứ hai, 1788).

Trong phần *Điển-lễ sách phong* này thường có chép cả những bức công văn về bang-giao như bức thư làm lời Vệ-vương Toàn gửi sang Tống để cầu nối ngôi (Thiên-phúc năm thứ nhất, 980), và tờ biểu đời vua Lê-Thái-Tổ tạ nhà Minh thừa nhận ngài đứng quyền thự An-nam quốc sự (tháng 10, năm Thuận-thiên thứ tư, 1431), v. v. Lại có chép cả những lời *chế*, lời *sách* của Tàu giao thiệp với ta nữa.

Dưới phần này có phụ thêm mục *Sách phong nghi chú* (nghi-tiết về lễ sách-phong).

2·) *Lễ cống-xinh* (quyển 47).

Bắt đầu từ việc đời vua Đinh Tiên-hoàng, năm Thái-bình thứ bảy (976), vua Đinh sai Trần Nguyên-Thái sang sứ bên Tống. Rồi đến việc hồi cuối Lê Trung-hưng sai sứ sang Thanh tuế cống.

Trong phần *Lễ cống-xinh* này cũng thường chép cả những bài biểu văn mỗi khi tuế cống, như bài biểu sang Minh năm Thuận-thiên thứ sáu (1433), bài biểu sang Minh năm Hồng-thuận thứ năm (1513), v. v.

Dưới phần này có phụ thêm mục *Tu cống sự lệ* để giúp cho tiện bề khảo-cứu.

3·) *Nghi-lễ khoản-tiếp* (quyển 48).

Kể từ việc ở đời vua Lê Đại-Hành năm Thiên-phúc thứ tám (987), ta tiếp-đãi sứ nhà Tống là Lý Giác. Khi Giác từ-giã về Tàu, Khuông-Việt thái-sư có làm bài *khúc* để tiễn. Rồi tác-giả *Lịch triều hiến chương* chép rằng : « Xét : đời Lê trước, trong khi thù-tiếp sứ Tống, tỏ ra tình và văn rất là chu-chí. Cái đẹp-đẽ của từ-khúc đủ phô được nhân-tài, làm cho quốc-thể được thêm tôn-trọng và khiến cho người Tàu phải khuất phục. Về sau, mỗi lần sứ Tàu đi về, ta lại có thơ tiễn để tỏ rạng nhân-vật và văn chương, *thực bắt đầu từ đó vậy* ».

Trong phần *Nghi-lễ khoản-tiếp*, tác-giả cũng có dẫn những thơ thù tặng của sứ Tàu và của người mình (như thơ của Lý Giác, sứ Tống, cùng sư Thuận và Khuông Việt), những bức thư của sứ Tàu trách-móc về lễ khoản tiếp (như thư của Hàn-lâm học sĩ Tiền-Đào nhà Minh, năm Lê Thánh-Tông Quang-thuận thứ ba, 1462) và mấy bức thư của nước ta đáp lại Tiền Đào, sứ Minh, về việc bắt-bẻ những việc khoản tiếp. Lại chép cả những thơ của sứ Tàu và người mình xướng họa, như năm Hồng-thuận thứ năm (1513), vua Lê Tương-dực đưa thơ tiễn sứ Minh là Trạm Nhược-Thủy và Phan Hy-Tăng, rồi Nhược-Thủy và Hy Tăng lại họa vần đáp lại.

Rồi dưới đó phụ chép cả những thể-lệ thết yến sứ thần, các thập-vật và sự cung-đốn ở các trạm luôn với nghi-trương đón rước sứ-giả.

Phần này có chép lắm chuyện thù-tiếp sứ Tàu rất thú, tỏ ra ông cha chúng ta ngày xưa rất có tài về mặt ngoại giao. Cử lệ :

Năm Hưng-thống thứ hai (990) đời vua Lê Đại-Hành (980-1005), nhà vua rất ngạo-nghễ trong khi tiếp sứ-giả nhà Tống là Tống Hạo (ta thường đọc là Cảo) : Khi đi đến cửa Minh-đức, nhà vua cầm chế-thư của nhà Tống đặt trên điện, nhưng không lạy, nói thác rằng, trong năm gần đây, đi đánh giặc mán, ngã ngựa, đau chân.

Năm Khai-thái thứ nhất (1324) sứ Nguyên là Mã-Hợp-Mưu sang ta, đi đến cầu trên ao Tây-thấu, không chịu xuống ngựa. Những người biết tiếng tàu vâng mệnh vua ra bảo Mưu, song từ giờ thìn (từ 7 đến 9 giờ sáng) đến ngọ (từ 11 giờ sáng đến 1 giờ chiều) không tranh biện xong. Rồi vua Trần sai ngự-sử Nguyễn Trung-Ngạn ra, lấy nghĩa-lý mà bẻ, thì Mưu đuối lẽ, lời cùng, đành phải xuống ngựa, bưng tờ chiếu mà đi bộ.

4·) *Việc biên-cương* (quyển 49).

Việc chép trước nhất ở phần này là việc đời vua Lê Đại-Hành năm Thiên phúc thứ nhất (980), nhà Tống gây chuyện, hạ chiếu xuất quân xâm lược, sai Lư-Đa-Tốn đem thư hăm-dọa nước ta. Vua Lê Đại-Hành bèn đánh cho một trận nên thân : bắt sống và chém chết Hầu-Nhân Bảo, còn Trần Khâm-Tộ thì chạy về, quân Tống phải một phen đại bại.

Việc chép ở sau cùng là việc năm Bảo-thái thứ 9 (1728) đời Lê Ý Tông (1705-1728), nhà Thanh trả lại xưởng đồng Tu-long ở Hoạt-châu ; triều-đình nhà Lê sai Binh-bộ thị-lang là Nguyễn Huy Nhuận và tế-tửu là Nguyễn công-Thái đi họp với người ủy-sai của nhà Thanh ở Tuyên-quang, nhận đất lập mốc lấy sông Đồ-chú làm giới-hạn.

Phần chép về *Việc biên-cương* này, theo thiển kiến, là một phần rất quan trọng về ngoại-giao, mặc dầu tác-giả Phan Huy-Chú đã đặt nó ở cuối sách. Vì nước ta giáp-giành với nước Tàu, rất hay có chuyện rắc-rối về đất-đai. Một khi trang-trải khuôn-xếp không xong, hai nước tất đến nói chuyện với nhau bằng võ-lực. Nước ta vốn bé nhỏ hơn Trung-hoa, thế mà tổ-tiên ta xưa hoặc uốn ba tấc lưỡi, hoặc huơ ba thước gươm để tranh giữ lấy từng tấc đất, đủ biết công-việc trọng-đại là dường nào !

***

Bộ *Lịch triều hiến trương* đến đây là hết. Các bạn coi những bài tôi đã giới-thiệu từ trước đến giờ chắc đã thấy được đại-khái nội-dung sách ấy.

Trước kia, báo Nam-phong đã định lục đăng hết cả bộ *Lịch triều hiến chương* này ở phần chữ hán, hằng tháng ra một kỳ, nhưng báo ấy mới đăng được quá nửa sách (N. P. số 96 — 176), nghĩa là từ *Địa-dư chí* đến *Quốc-dụng chí* (t. T. H. C. quyển I — XXXII) thì ngừng lại. Rồi báo ấy viết mấy lời « khải sự » bằng chữ hán, tuyên-bố cùng độc-giả, tôi xin dịch ra đây :

« *Bản chí in* Lịch triều hiến chương *loại chí từ quyển I — XXXII, tính gộp cả lại, đã được đến quá nửa bộ sách rồi. Nay hãy tạm dừng lại để tiện lục đăng những thiên giai-tác thi văn cổ kim để « thết » độc-giả. Vậy có lời kính khải này, mong các bậc quân-tử trong nước lượng tình cho.* » (*N. P. số 176, Septembre 1932*).

Mong rằng những cơ-quan văn-hóa ở xứ ta nay nên đứng lên làm trọn nốt công-việc này : vừa in cả nguyên-văn chữ hán, vừa dịch nghĩa cả toàn tập ra quốc văn để phổ-thông một bộ sách rất có giá-trị về văn học và sử học ấy.

(Hết)

HOA-BẰNG

1) *Đọc Tri-Tân những số 55, 69, 95, 96, 105.*

Chiều

Tiếng vượn rừng thêm dậm mường,
Nửa trời sơn-mộ, nhường !
Mây về non thẫm bâng bạc ;
Buồm rưỗi sông xanh vàng...
Lửa bến khêu mờ hải-cổ ;
Gió khe tâu vội hà-dương.
Khôn say rượu đổi yên ngựa !
Man mác sầu lên phố phường...

(1939)

GIẢN - CHI

HUYỆN THỌ-XƯƠNG
VƠI THÀNH PHỐ HÀ-NỘI

(Có kèm bản-đồ để tiện kế-cứu)

của Biệt lam TRẦN HUY BÁ

« Gió đưa cành trúc la đà,
« Tiếng chuông Trấn-quốc, (1)
canh gà Thọ-xương.»

Câu đó thật đã tả được cái cảnh âm-u, tịch-mịch của đất văn-vật ngàn năm về hồi trước. Đọc lên, ta có cảm-tưởng như thấy một cảnh-tượng ảm-đạm, mông-lung, khiến ta lại trạnh nhớ đến hồi dĩ-vãng của một huyện-thành ở gần kinh-đô Hà nội.

Sáu mươi năm trở về trước, Thọ-xương là một huyện lỵ sở-tại của thành Hà-nội, phố phường làng mạc, cư-tụ sầm uất. Những bực văn-nhân, sĩ-tử khắp các nơi thường tụ-tập ở đó, để học tập mà đoạt giáp tranh khôi. Những nhà công-nghệ, thương-mại khắp Bắc-thành kéo đến để kinh-doanh, buôn bán, mà thi tài trục lợi. Tứ-chánh quần-cư, đủ các hạng người trong xã-hội, quả là phức-tạp; nên sự trị-an cũng có nhiều điều phiền-toả. Vì cớ đó, nếu ông quan nào được cái diễm phúc bổ về trị huyện Thọ xương; thì bước hoạn đồ như diều gặp gió!...

Ôi, cái đời oanh liệt, cái cảnh ồn ào của huyện Thọ xương nay đã trôi theo lịch sử, bởi sự mở mang cần thiết, nên nó đã bị biến cải từ lâu! nào đã mấy ai nhớ tới!.

Nay nhân dịp thành phố Hà nội mở rộng thêm ra, tưởng cũng nên nhắc qua về lịch sử, địa dư, cùng nhân-vật của huyện Thọ-xương ngày trước để hiếu các bạn độc *Tri-Tân* tiện bề khảo-cứu.

Huyện Thọ-xương về đời Hán thuộc (111 tr. T. L. — 39 s. T. L.) gọi là *Long-biên*; Khoảng năm Hiếu-Kiến (454-456) nhà Tống gọi là *Tống-bình*, rồi lại đổi là *Tống-bình-đô*; hồi Minh thuộc (1414-1428) gọi là *Đông-quan*; đời Quang-thuận (1460-1469) nhà Lê gọi là *Vĩnh-xương*. Mãi đến đời Mạc Quảng-hoà (1541-1546) mới gọi là *Thọ-xương*.

Kịp đến bản-triều khoảng Gia-long (1802-1819) sơ niên vẫn thuộc phủ Hoài đức (đời Lê Quang thuận gọi phủ này là Phụng thiên) kiêm lý; năm Minh mạng thứ 12 (1831) mới đặt chức tri-huyện; tới năm Tự-đức thứ 5 (1852) lại được kiêm lý cả huyện Vĩnh thuận.

Huyện lỵ Thọ-xương, thuộc thông hạt phủ Hoài đức, ở về phía đông nam thành Hà-nội, thuộc địa phận thôn Tiên thị, tổng Thuận mỹ (1). Huyện lỵ không xây thành bằng gạch, chỉ giồng tre làm rậu, vuông rộng độ 80 trượng; mở có một cửa. Khu vực huyện Thọ xương rộng được 1904 mẫu, đinh số được độ 2775 suất; phía đông nam giáp huyện Thanh trì, phía tây giáp huyện Từ liêm, phía bắc giáp sông Nhị hà, đối ngạn huyện Gia lâm tỉnh Bắc ninh. Từ đông tới tây dài được độ ba dặm, từ nam tới bắc dài được độ hai dặm. Có tất cả tám tổng, một trăm mười sáu xã, thôn, phường, trại, như sau này:

1) Tổng Thuận-mỹ, 22 thôn, phường, trại:
(Vào khoảng bắc từ phố Hàng-Bạc, nam đến phố Hàng-Khay, đông từ phố Henri Rivière, tây đến phố Đường Thành bây giờ)

Thuận-mỹ, Hữu-đông-môn, Tiên-thị, Nhân-nội, Khánh-thụy-tả, Xuân-yên, Cổ-vũ yên-nội, Đại-lợi, Tô-tịch, Kim-cổ, Yên-thái, Phúc-tô, Báo-khánh, Chân-cầm, Đông-hà, Đồng-lạc, Báo-thiên tự tháp, Hội-vũ, Đông-thành-thị, Yên-nội đông-thành, Cổ-vũ-thượng, Tân-lập tân-khai.

2) Tổng Đồng-xuân, 14 thôn, phường, trại:
(Vào khoảng bắc từ Hàng-Bún, nam đến Phố-Mới, đông từ Nhị-hà, tây đến phố Cửa-Đông bây giờ).

Đồng-xuân, Phương-trung, Tiền-trung, Nghĩa-lập, Cổ-lương, Huyền-thiên, Hà-thanh, Vĩnh-trù, Phủ-từ, Vĩnh-hanh, Đông-hà hương-bài, Yên-phú, Đông-thuận, Đức-môn.

3) Tổng Đông-thọ, 13 thôn, Phường, trại: (Vào khoảng bắc từ Phố-Mới, nam đến Hàng-Bạc, đông từ Phố Mã-mây, tây đến Phố Cửa-Đông bây giờ).

Đón coi
Tác phẩm viết công phu nhất
của *NGUYỄN TUÂN*
QUÊ HƯƠNG
Hơn 500 trang. In đẹp
Bản thường 5$00
Gấy quý: 20$00.
Nhà xuất bản
Anh Hoa
69 Rue du Charbon-Hanoi
Thư và tiền đề tên
ô. Mai-văn-Phúc

Dũng-thọ, Hương-đình, Ngư-võng, Đông-yên, Nam-phố, Hà-khẩu, Duyên-hưng, Đông-tác, Nhiễm-thượng, Trung-yên, Giang-ngư, Ưu-nghĩa, Cựu-lầu, Thanh-hà.

4) Tổng Phúc-lâm, 18 thôn, phường, trại :
(Vào khoảng bắc từ Phố-Mới, nam đến nhà Hát-tây, đông từ sông Nhị-hà, tây đến Phố Henri - Rivière).

Phúc-lâm, Trừng-thanh-thượng, Trừng-thanh-trung, Trừng-thanh-hạ, Kiếm-hồ, Nguyễn-khiết-thượng, Nguyễn-khiết-hạ, Trừng-thanh-trung, Ngũ-hầu, Mỹ-lộc, Tây-long hữu-thị, Vòng-hà, Hương-nghĩa, Hữu-tân, Nghĩa-dũng, Trang-lầu, Thanh-yên, Trừng-thanh, Cơ-xá, Bảo-linh.

5) Tổng Yên-hòa, 11 thôn, phường, trại : (Vào khoảng bắc từ đền Giám, nam đến đê Kim-liên, đông từ đường Lò-đúc, tây đến đường Hàng Bột).

Yên-hòa, Xã-đàn, Trung-phụng, Thổ-quan, Hữu-biên-giám, Thanh-miếm, Văn-hương, Minh-giám, Hữu-giám, Văn-tâm Lương-sử.

Đã có bán

TRỐNG GIÒNG SÔNG VỊ

(Văn-chương và thân thế Trần tế Xương)

Một kiệt tác của

TRẦN THANH MẠI

Kỳ tái bản này tác-giả đã đây công sửa chữa.

Sách ngổ 200 trang. Giá 1$90

Nhà xuất bản **TÂN-VIỆT**

29, LAMBLOT — Hànoi

6) Tổng Vĩnh-xương, 15 thôn, phường, trại : (Vào khoảng bắc tự đường Tràng-thi, nam đến hồ Thuyền-cuông, đông từ đường Hàng Kèn, tây đến đường Hàng Lọng).

Vĩnh-xương, Yên-trung-thượng, Yên-trung-hạ, Linh-cuông, Linh-đông, Cổ-vũ-bắc thượng-hạ, Yên-tập, Bích-lưu, Đông-mỹ, Mỹ-đức, Liên-đường, Nam-ngư, Thuyền-cuông, Tiên-mỹ, Phụ-khánh.

7) Tổng Kim-liên, 15 thôn, phường, trại : (Vào khoảng bắc tự đường Tràng-tiền, nam đến làng Quỳnh-lôi, đông tự Phố Lò-đúc, tây đến đường Hàng-Lọng).

Kim-liên, Bạch-mai, Quỳnh-lôi, Đông-tác, Trung-tự, Phục-cổ, Phúc-lâm, Phúc-lâm-tiểu, Hỏa-mã, Vũ-thạch, Hồi-mỹ, Vân-hồ, Yên-nhất, Thịnh-yên, Đông-tân, Giáo-phường.

8) Tổng Thanh-nhàn, 8 thôn, phường, trại ; (Vào khoảng bắc từ nhà Hát-tây, nam đến làng Lương-yên, đông từ sông Nhị-hà, tây đến phố Lò-đúc :)

Thanh-nhàn, Lương-yên, Lạc-trung, Lãng-yên, Hàm-Khánh, Vọng-đức, Hương-viên, Cảm-hội.

Huyện Vĩnh-thuận có 5 tổng 40 thôn, phường, trại : (Đất rộng độ 3145 mẫu, đinh số độ 1356 suất).

1) Tổng Yên thành, 12 thôn, phường, trại : Yên-thành, Yên-trạch, Yên-định, Yên-thuận, Yên-ninh, Lạc-chính Thanh-bảo, Khán-xuân, Châu-yên, Yên-viên, Yên-quang.

2) Tổng Thượng, 7 thôn, phường, trại : Gia-cảnh, Thạch khối, Yên-phụ, Tây-hồ, Quảng-bá, Nhật-chiêu, Nghi-tàm.

3) Tổng Trung, 6 thôn, phường, trại : Thụy-chương, Hồ-khẩu, Yên-thái, Bái-ân, Võng-thị.

4) Tổng Nội, 9 thôn, phường, trại : Liễu-giai, Giảng-vũ, Vĩnh-phúc, Đại-yên, Ngọc-hà, Thủ-lệ, Cống-vị, Vạn-bảo, Hữu-tiệp.

5) Tổng Hạ, 6 thôn, phường, trại : Nam-đồng, Khương-thượng, Nhược-cống, Thịnh-cuông, Yên-lãng, Thịnh-hào.

***

Sau khi nước Pháp đặt cuộc Bảo hộ xứ Bắc-kỳ, ngày mồng một, tháng chín, năm 1888, quan Kinh-lược-sứ Nguyễn-hữu-Độ phụng duyệt bản-đồ sáp-nhập gần hết huyện Thọ xương vào làm thành phố Hà nội (1), còn lại mấy thôn, phường, trại cùng mấy tổng thuộc huyện Vĩnh-thuận thì hợp lại mà lập ra huyện Hoàn-long.

Đến ngày mười một, tháng bảy, năm 1912, đức Bảo-đại lại hạ dụ sáp-nhập cả huyện Hoàn-long, và ba tổng là : Thanh-trì, Thịnh-liệt, Khương-đình thuộc huyện Thanh trì cùng bốn tổng là : Phú-gia, Xuân-tảo, Dịch vọng, Cổ nhuế của Phủ Hoài-đức vào khu-vực thành-phố Hà-nội. Thế là thành-phố Hà-nội ngày nay rộng được độ 12 nghìn mẫu tây, dân-số tăng lên 50 vạn người, thực là một thành-phố rộng nhất xứ Đông-dương. Nó đã xứng-đáng cái tên là Thủ-phủ của Liên-bang Ấn-độ Chi-na ngày nay vậy.

Giá báo

Mỗi số	0$30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

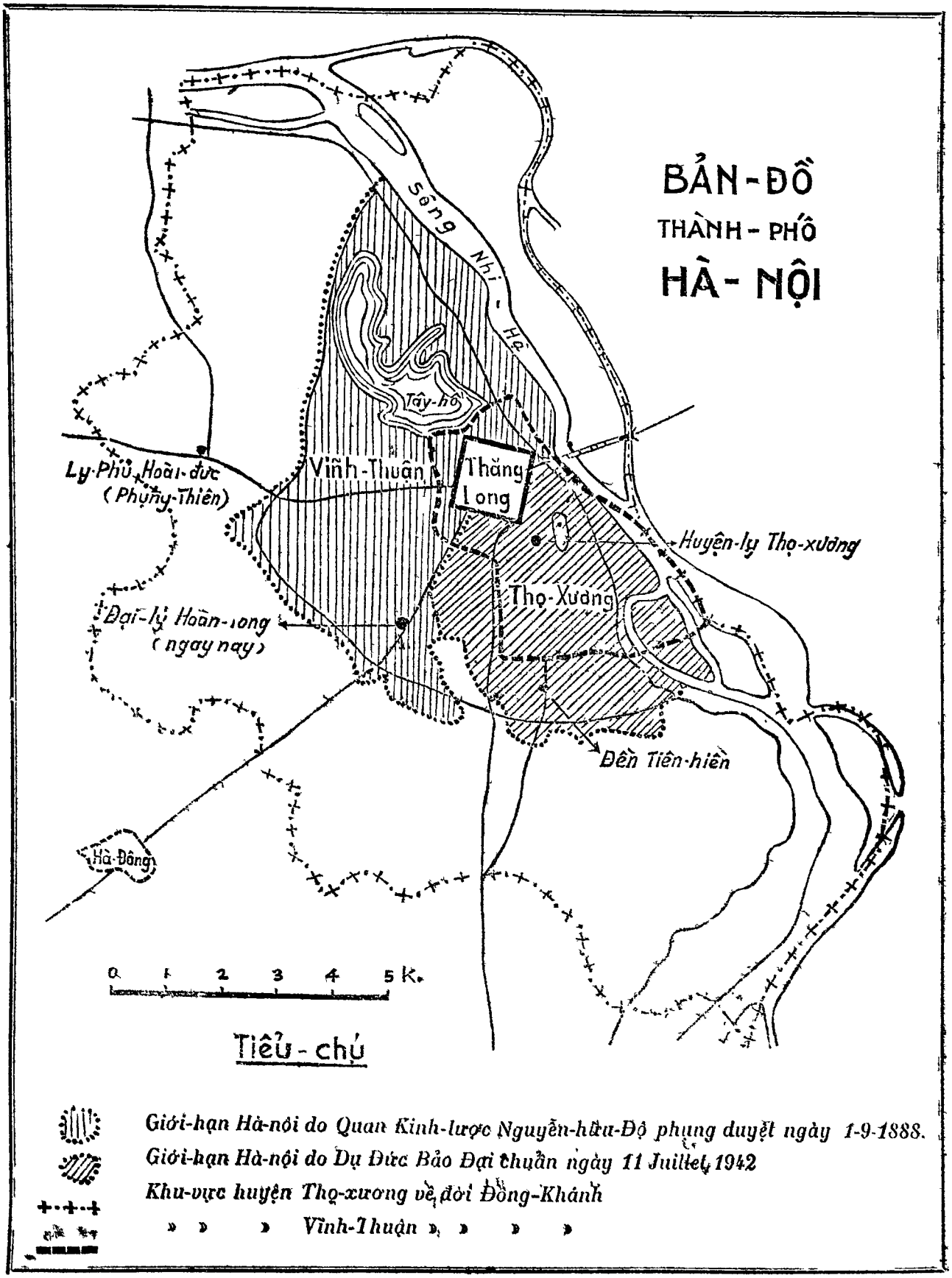
BẢN-ĐỒ
THÀNH-PHỐ
HÀ-NỘI
Sông Nhị-Hà
Tây-hồ
Vĩnh-Thuận
Thăng Long
Ly-Phủ Hoài-đức
(Phụng-Thiên)
Huyện-lỵ Thọ-xương
Thọ-Xương
Đại-lỵ Hoàn-long
(ngày nay)
Đền Tiên-hiền
Hà-Đông
0 1 2 3 4 5 K.
Tiểu-chú
Giới-hạn Hà-nội do Quan Kinh-lược Nguyễn-hữu-Độ phụng duyệt ngày 1-9-1888.
Giới-hạn Hà-nội do Dụ Đức Bảo Đại chuẩn ngày 11 Juillet 1942
Khu-vực huyện Thọ-xương về đời Đồng-Khánh
» » » Vĩnh-Thuận » » » »

Nay xin lược kê tên các tổng, xã đã sáp nhập như sau:

Huyện Hoàn-long, 9 tổng 63 xã, thôn:

1) Tổng Phúc-lâm, 7 xã thôn: Tam-xá, Từ-châu, Tam-lạc, Nội-châu Ngoại-châu, Vạn-ngọc, Ngọc-uyên, Phúc-xá.

2) Tổng Thượng, 6 xã, thôn: Thật-tân, Quán-la, Quảng-bá, Tây-đô, Nghi-tàm, Yên-phụ.

3) Tổng Trung, 7 xã, thôn: Xuân-tảo, Trích-sài, Võng-thị, Yên-hải, Đặng-xá, Hồ-khẩu, Thụy-khuê.

4) Tổng Nội, 12 xã, thôn: Tĩnh-phúc, Vạn phúc, Cống-vị, Kim-hã, Liễu-giai, Đại-an, Ngọc-hà, Hữu-tiệp, Xuân-biều, Thủ lệ, Ngọc-thánh, Giảng vũ.

5) Tổng An-hạ 11 xã, thôn: Yên-hòa, Yên-lãng thượng, trung hạ, Nhược-cống, Thái-hà, An-trạch, Thịnh-bảo, Nam-đồng, Thịnh-nang, Khương-thượng.

6) Tổng Vĩnh-an, 6 xã, thôn: Vân-chương, Linh-quang, Thổ-quan, Kỳ-đức, Trung-phụng, Xã-đàn.

7) Tổng Kim liên, 4 xã, thôn: Trung-tự, Kim-liên Bạch-mai, Huỳnh-lôi.

8) Tổng Hoàng-mai 5 xã, thôn: Phương-trung, Phương-liệt, Hoàng-mai, Mai-động, Vĩnh-tuy.

9) Tổng Thanh-nhàn, 4 xã, thôn: Thanh-nhàn, Lương-yên, Lạng, Lãng-yên.

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

Lấy 0 một vé

Huyện Thanh-trì, 3 tổng 26 xã, thôn:

1) Tổng Thanh-trì, 10 xã thôn: Thanh trì, Nam-dư Nam-dư hạ, Thúy-lĩnh, Yên-duyên, Yên-lương, Dưỡng-tế, Yên-duyên, Sở-thượng, Khuyến lương, Đồng-nhân-châu.

2) Tổng Thịnh-liệt, 6 xã, thôn: Giáp-nhất, Giáp-nhị, Giáp tứ, Giáp lục, Giáp-bát, Trương-mai.

3) Tổng Khương-đình, 11 xã, thôn: Đại-từ, Kim-lũ, Định-công thượng, Định-công-hạ, Khương-hạ, Hạ-đình, Khương-đình, Chính-kinh, Quan-nhân, Lộ-cư, Giáp-nhất.

Phủ Hoài-đức, 4 tổng 18 xã, thôn:

1) Tổng Dịch vọng, 10 xã, thôn: Dịch-vọng-tiền, Dịch-vọng trung, Dịch-vọng-hậu, Nghĩa-đô, Đoài-môn, Mai-dịch, Yên-quyết, Mễ-trì, Trung-kính, Hòa-mục.

2) Tổng Phù-gia, 5 xã, thôn: Phù-xá, Phù-gia, Thượng-thụy, Nhật-tảo, Liên-ngạc.

3) Tổng Xuân-tảo, 1 xã Xuân-tảo.

4) Tổng Cổ-nhuế, 2 xã: Cổ nhuế-hoàng, Cao-đình.

Cộng tất cả được 107 xã, thôn thuộc vào địa hạt Hà-nội, do quan Đại-lý Hoàn-long cầm đầu, kể từ ngày mồng một, tháng giêng, năm 1943, đã thi-hành đạo Dụ kể trên, sự trị-an, việc quan, hôn, tang, tế đều theo như luật thành phố đã định.

Biệt lam TRẦN HUY-BÁ

(1) Có người đọc « Thiên-mụ » có lẽ do các quan về bên triều khi vào Huế, lâu nhờ nhà đã đổi ra mà ngắn cho tiện-khiến.

(2) Huyền-ký ở sau đền Lý quốc-sư, gần nhà in Ngô tử-Hạ phố Lamblot bây giờ. Mười năm về trước, vẫn có tấm bia đá ở đó, gồ-huyệt khi ông Ngô-tử Hạ làm nhà in, lúc phá tường, lấy tấm bia ấy đem ra nhà Bảo tàng Bonis-Finot. Hiện giờ tấm bia ấy dựng ở trước của nhà Bảo-tàng.

3) Mang tên Thọ-xương từ năm 1541 đến năm 1888, kể là 347 năm thì sáp nhập thành phố.

GIỚI THIỆU

1) *Trần thủ Độ* của *Trúc Khê* (Giá 0$80)

Đó là một cuốn danh nhân truyện ký do nhà Tân Dân vừa cho xuất bản trong Phổ-thông bán nguyệt san.

Tác giả, sau khi nêu những nguyên nhân bại vong của triều Lý vào khoảng đầu thế kỷ thứ 12, liền lần lượt trình bầy những trường hợp đặc biệt đã đưa Trần thủ Độ và dòng dõi nhà Trần tới chỗ ngôi báu.

Những mưu cơ xảo quyệt của Trần thủ Độ để tiếm quyền chính đều bị tác giả trình bầy một cách rành mạch.

Bằng một ngòi bút vô tư, trong mục « *Tội hay công* » tác giả đã vạch rõ sự nghiệp người xưa với những lý luận sáng sủa và gọn ghẽ.

Đọc cuốn đó chúng ta thấy rằng Trần thủ Độ, vị « thủ tướng độc tài », của nước ta, tuy đã phạm những điều thường luân bại lý, nhưng cũng đã giúp ích rất nhiều cho đất nước và trước công luận nghìn thu không hổ thẹn với tiếng danh nhân đất Việt.

Những sách như cuốn « Trần thủ Độ » đáng được mọi người đem đọc để suy nghĩ về những bài học lịch sử.

Chúng tôi xin vui lòng giới thiệu cuốn *Trần thủ Độ* với các bạn đọc và mong rằng tác giả sẽ thành công trong nhiều truyện ký khác nữa.

MẠNH PHAN

2) *Nguồn gốc văn minh* của *Nguyễn bách Khoa* (Giá 2$20)

Tạp chí Văn mới số 15 và 16 ra ngày 25 juillet 1943 vừa cho đăng lọn thiên khảo cứu dài ấy của ông Khoa.

Thiên ấy có hai phần: phần thứ nhất nói về: *Khái niệm văn minh* phần thứ hai về: *Bản thể văn minh*.

Tác giả viết công phu. Xin giới thiệu cùng các bạn đọc.

M. P.

Du ký

INDRAPURA (Đông-Dương)

Số 2

Mãn-Khánh DƯƠNG-KỲ

Tặng bạn Võ-Mai

Chúng tôi cũng đứng dậy đi theo anh chàng mộ-đạo Chiêm tưởng-tượng ấy.

Tu-đạo viện ? với những phòng rộng-rãi, đầy tăng và ni ngày đêm nghiên cứu đạo-lý uyên-thâm, và chép những bài kinh, trên da, trên lá ?

Nào đâu thấy ? nay chỉ là một đám cây cỏ hoang-vu nhưng yểu-điệu, mà ngọn gió thổi qua đánh tạt về một bên, để lòi ra những mảnh gạch đỏ, nát. Thưa thớt, vài cây « cốc » to lớn vươn mình trong ánh nắng tưng-bừng. Thỉnh-thoảng đôi con chim bay đi tìm bóng im, gieo giữa khoảng không, từng hơi thê-thảm.

. . . . . .

Đi hết con đường gạch, kẻ mộ-đạo vừa đến một cái cửa cũng có hai ông Hộ-pháp canh giữ : một ông đứng trên con sư-tử đang trợn mắt, le lưỡi, một ông đứng trên con makara đang uốn vòi, xù vảy. Một cái gì huyền-bí đã thấm vào tâm-hồn kẻ mộ-đạo. Chàng cúi đầu đi một quãng thì bước bước chân vào trong một phòng ba gian rộng-rãi có rất nhiều cột. Hãy quỳ xuống và cúi đầu sát gạch ! Kia, trong khói trầm ngào-ngạt, tượng Phật Laksmindra Lokeçvara, to bằng bốn người thường, đang trầm tư mạc tưởng trên một bệ đá đồ-sộ ; chung quanh xúm-xít những tượng bụ khác và tượng thầy tu hai tay bằng đá kính-cẩn nâng những lư trầm đang nhả khói.

Trong phòng yên lặng, một yên-lặng huyền-bí ; kẻ mộ-đạo chỉ nghe nhịp đập bồn-chồn, cảm-động của trái tim mình. Bỗng, một hồi từ và rúc lên, từ bên tu-đạo viện vọng qua. Rồi văng-vẳng đưa đến một điệu kinh đều-đều, vô cùng tận. Kẻ mộ đạo đập đầu xuống gạch đem tất cả lòng thành tụng :

« Nômôh (1) Laksmindra Lokeçvara !... »

Tụng xong, chàng đứng dậy lùi vài bước, lách mình qua cửa bên hữu, đi vào những cái sân bốn bên có tường cao bao bọc.

Những cái tháp nho-nhỏ rải-rác gần tường. Chàng kính cẩn đến cúi đầu trước các tháp ấy là nơi để mun của các cao-tăng nổi tiếng.

. . . . . .

Tôi chỉ cho bạn tôi những hàng cột chạm rất công-phu tỉ-mỉ, cái thì đã gãy nát, cái thì đương bị những cây leo to-lớn trói lại hoặc làm nứt ra, hay những cây đại-thụ lấn làm cho nghiêng gần ngã. Đó là phòng rộng-lớn có tượng Phật nói trên kia. Tượng Phật ấy, bệ đá cùng các tượng khác, đã đem về để tại nhà Tàng-cổ Parmentier ở Hà-nội. Chỉ còn lại tượng hai ông Hộ-pháp nhưng đã gãy chân lạ khỏi con thú mình cỡi, mỗi ông gục đầu mỗi góc, vào khúc tường gần sập, trong bụi cây khô.

Chính giữa đám cột, như muốn tỏ cho khách du-lịch rõ cái hèn kém của nghề kiến-trúc Việt-nam, người mình có xây lên một cái miễu tồi-tàn, nặng-nề, xiêu-vẹo. Nghĩ cũng hoài quá ! Những viên gạch to, cứng, đỏ, đẹp như thế khi xưa đã sắp thành từng đường song hàng tuyệt-mỹ ở góc tháp, thân cột, chân tường, nay lại bị người mình gỡ ra xây một cái miễu không có tí nào là mỹ-thuật cả. Tuy vậy, họ còn chưa bằng lòng và đã lấy gạch ấy xây thêm một con đường vòng-vèo quanh quẹo, ý hẳn là để đến cúng tại miễu trong những lúc mưa dầm không thể đi lại dễ-dàng trên cái con đường đất đầy bùn lầy-lội. Chúng tôi cũng không buồn đến gần xem thử người mình đã viết trên mảnh giấy điều gián trong miễu tên Thần gì, vì còn mải ngắm những đường cong, thuần tròn xoáy vô-cùng đẹp, và những kiểu trang-sức bằng nụ, lá, hoa chạm trên gạch, đang ẩn hiện dưới lớp cây cỏ nửa vàng nửa xanh.

. . . . . .

Khách mộ-đạo bây giờ đã đi ra sau phòng ba gian, và qua một cửa khác hai bên cũng có tháp trụ bằng gạch và Hộ-pháp bằng đá, một ông cỡi bò, một ông cỡi gấu, thì vừa đến tòa nhà dành riêng cho người đi lễ. Kẻ mộ-đạo đến ngồi nghỉ trong chốc-lát trên chiếu trải giữa nền, rồi đứng dậy đi giữa hai hàng trụ thì đến trước một cửa to-tớn hơn các cửa đã đi qua : hai bên, hai tháp trụ đồ sộ xoắn thẳng lên trên không những đường vòng mà bấy giờ mặt trời đã cao đang mạ-lỡ chói lọi. Kẻ mộ-đạo giật mình : hai ông Hộ-pháp to-lớn chống tay trên bắp-vế

đè bẹp dưới chân hai con người ta, chứ không phải thú-vật như mấy ông các cửa kia nữa. Hai con người khốn-nạn nầy quằn-quại trên gạch, tai chẳng đeo hoa, đầu không đội mũ, bộ râu mép nhọn vắt, uốn cong như hai cái nanh.

Kẻ mộ đạo run run bước lên mấy bậc cấp ngoài, qua khỏi cửa, trèo xuống các bậc cấp ở trong, thì đã đi vào được khoảng cuối-cùng và linh-nhất của Tinh-xá. Chàng không để ý đến các tháp đền phụ thi-chít chung-quanh, như có một định-kiến thôi-miên cúi đầu đi thẳng.

Mấy bực cấp đưa chàng vào trong lòng một cái tháp lớn có bốn cửa. Ánh sáng mặt trời từ ngoài lùa vào, đem theo hơi trầm ngào-ngạt. Trông qua các cửa kẻ mộ-đạo thoáng thấy không biết bao man nào là nhà, cửa, trụ, tháp đang tắm gạch đỏ chói trong ánh nắng tung-bừng. Nhưng chàng đã vội-vã ra khỏi tháp, trèo xuống mấy bực tam cấp. Thì kia là đồ-sộ nguy-nga trước mắt chàng, cái tháp Chính xây trên một nền cao hai tầng chung quanh có bốn tháp khác đứng chầu, quy-mô nhỏ hơn và cũng xây trên nền ấy.

Kính-cẩn kẻ mộ-đạo chắp tay, rẽ-sẽ để chân trên bực thứ nhất hình quả tim của tam cấp tháp Chính, rồi, khúm-núm trèo qua mấy bực khác mà vào trong một phòng vuông rộng và cao. Trong ánh nến khi mờ khi tỏ, trên bệ đá cao mấy tầng chạm từng cảnh hoạt động, khám đựng Phật-tích bằng-vàng, phủ khăn thêu đang chói-lọi, thôi-miên lấy kẻ mộ-đạo. Tâm-trí chàng tê-mê theo các bực cấp nhỏ-nhỏ đục bốn bệ mà đi lên

Thống-chế Pétain đã nói :

« Kỷ-luật học đường phải trợ-lực cho kỷ-luật gia-đình. Bằng cách ấy và chỉ có cách ấy mới đào tạo nên những người và những dân-tộc hùng cường »

quây-quần chung quanh khám. Ngoài ra chàng không thấy gì nữa. Trước mắt chàng, trong trí chàng, trong lòng chàng, cái khám đang sán-lạn với muôn mầu-sắc của hào-quang rực-rỡ. Chàng đã quỳ xuống khi nào, cất giọng say-sưa khấn :

«Nômôh Laksmindra Lokeçvara!»

. . . . . .

Tôi dắt bạn tôi trèo trên bức tường còn cao nhất của tháp Chính, mà dân vùng chung-quanh gọi là tháp Tối vì, cũng như đa số các tháp chàm khác, tháp nầy khi xưa chỉ có một cửa hẹp để ra vào, nên tại trong lòng tháp khi nào cũng lờ mờ tối. Nay thì sập nát gần hết, chỉ còn lại mấy bực tam cấp cao, sún nhiều chỗ, và ba bức tường lở lói lôi thôi.

Trước mắt chúng tôi là tháp Sáng, người mình gọi như thế vì trái với tháp trên kia, tháp nầy có bốn cửa rộng, ánh sáng ở ngoài tha hồ lùa vào.

Tại Đồng-dương, hiện nay chỉ có tháp Sáng nầy là đứng vững. Kỳ dư đều sập nát tan tành, gạch đá sứt mẻ lăn lóc trong bụi rậm um tùm, bên bức tường tan rã. Tuy vậy, chỉ trong một khoảnh nầy mà, ngoài hai tháp Tối Sáng nói trên kia người ta còn nhận được dấu tích của mười một tháp nữa : bốn cái chầu chung quanh tháp Tối, và bảy cái sắp theo dấu tích bức tường hình chữ nhật bao bọc khoảnh ấy. Nhan nhản tại những chỗ trống ở giữa hai tháp, mấy cái trụ gãy ngang lưng, phơi những thớ thịt gạch chơi hới. Tại đây cũng như trong phòng có tượng Phật, bệ đá cùng tượng thì người ta đã lấy đi từ khi nào. Trong tháp Sáng chỉ còn có tượng một thân cụt tay, lẹm đầu (Çiva ?), nằm gục giữa nền, giơ một cái vai sả, hình như đang đợi một vị cứu-tinh không khi nào đến.

III. — Bia lời nguyền của vua Hời

Phía sau tháp Tối, gần bức tường đổ, một cái bia còn đứng vững. Đó là một phiến đá to, chóp giống hình quả tim. Đồng dương có nhiều bia, khắc chữ Phạn. Các nhà khảo cổ đã dịch ra chữ Pháp ; đó là những tài liệu rất quý để đem đối chiếu với sử chữ Hán của ta và của Tàu cùng các bi-văn của người Khmer mà viết lịch-sử nước Chiêm-thành.

Nay tôi xin trích dịch vài đoạn trong một cái bia Đồng dương để hiến bạn đọc.

Bia thứ nhất, dựng năm 797 Caks (875).

(Kính lạy) Laksmindra Lokeçvara !

... — Chỉ có ngài Cri Cambhubhadreçvara là xứng đáng để muôn nghìn Thần khác thờ phụng. Là bản-thể sán-lạn của lửa, ngài bảo-hộ xã hội Campa, nơi mà các luật pháp tốt đều lưu hành.

(Còn nữa)

MẪN-KHÁNH DƯƠNG-KỲ

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÊ TRIỀU LÊ

Số 58

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

5. — Lê-đức-Toản, người xã Sơn-đông, huyện Lập-thạch, phủ Tam-đại, tỉnh Sơn-tây. Năm 33 tuổi, đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484 đời vua Lê Thánh-tông. Làm đến đô-ngự-sử. Không chịu theo Mạc, được phong là tiết-nghĩa. Là chú Lê-Khiết: chú cháu lồng triều (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 56 b-57 a; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 30 a).

6. — Nguyễn-thuần-Trung, người xã Đoàn-tùng huyện Trường-tân (nay Gia-lộc), phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm đến tự-khanh (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 36 b).

7. — Nguyễn-sư-Trác, người xã Vĩnh-trị, huyện Hoằng-hóa, phủ Hà-trung, tỉnh Thanh-hóa. Năm 25 tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Phụng-thiên phủ-doãn (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Thanh-hóa, tờ 28 b; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 30 a, chép làm đến chức đài-quan).

8. — Phạm-văn-Ngọc, người xã Cẩng-khê, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Năm 29 tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến giám-sát ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 57 a; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 30 a).

9. — Nguyễn-mộng-Tùng, người xã Cẩm-sơn, huyện Cẩm-giàng, tỉnh Hải-dương. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến tham-chính (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 30 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 29 a).

10. — Trần-Thực, người xã Vạn-tái, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương; nhà ở xã Nhân-lý. Năm 28 tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Hàn-lâm-viện thừa-chỉ; sau không chịu làm quan với nhà Mạc, được phong tiết-nghĩa *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 30 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 57 b).

11. — Tạ-Tất, người xã Tùng-hộ (nay đổi là Lâm-hộ), huyện Kim-hoa, tỉnh Bắc-ninh. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484 *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 30 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Bắc-ninh tờ 69 b).

12. — Lê-công-Thích, người xã Khúc-thủy, huyện Thanh-oai, trấn Sơn-nam. Năm 21 tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Nguyên họ Đào, được vua cho quốc-tính là họ Lê. Làm quan đến tham-chính. Là con Đào-nam-Kiệt *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 30 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 34 b).

13. — Phạm-trí-Khiêm, người xã Yên-trang, huyện Thiên-tài (nay là Lương-tài), phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Năm 24 tuổi đỗ hội-nguyên, nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Đông-các hiệu-thư *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 30 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Bắc-ninh, tờ 122 a).

14. — Lê-cảnh-Trinh, người xã Lôi-xá, huyện Cẩm-giàng, tỉnh Hải-dương. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Hàn-lâm-viện thị-độc (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 29 a; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 30 b).

15. — Nguyễn-đình-Huống, người xã Dục-đại, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Năm 32 tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp thìn 1484. Phụng mệnh đi sứ. Làm quan đến Lại-bộ tả thị-lang (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 30 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 57 b).

16. — Nguyễn-doãn-Tu, người xã Hoa-thiều, huyện Đông-ngàn, trấn Kinh-bắc. Năm 29 tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Hình-khoa đô-cấp sự trung. Là con Khắc-Kế, là cháu Doãn-Thăng (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 30 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Bắc-ninh, tờ 28 b chép ông Doãn-Tu làm quan đến đô-ngự-sử)

Khoa giáp-thìn 1484 đỗ 25 ông đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân.

1. — Chu-đình-Bảo, người xã Quang-liệt, huyện Thanh-đàm, phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam. Năm 33 tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Phụng mệnh đi sứ. Làm quan đến thị-lang. Là tằng-tôn của Chu-văn-An triều Trần (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 31 a; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 5 a).

2. — Lê-lan-Hinh, người xã Ái-đô (nay là Cổ-đô), huyện Tiên-phong (Tản-phong) phủ Quảng-oai tỉnh Sơn-tây. Năm 39 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Nguyên họ Nguyễn tên Sư-Mạnh, được vua cho quốc

tính. Sung chức phó-sứ sang nhà Minh, tạ về việc dụ tế vua Lê Thánh-tông. Làm quan đến Lễ-bộ thượng-thư (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 31 a; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 68 a). Về việc đi sứ Tàu bộ *Khâm định Việt-sử* (quyển 25, tờ 1a-2a) chép « năm canh-thân 1500, mùa xuân tháng giêng, vua Lê Hiến-tông sai sứ sang nhà Minh. Trước kia vua Hiến Tông đã sai sứ sang nhà Minh cáo việc tang vua Thánh-tông (1460-1497) và xin sách phong: nhà Minh sai hành-nhân-ty hành-nhân là Từ-Ngọc sang dụ tế, ty-kinh-cục tây mã kiêm Hàn-lâm-viện thị-giảng là Lương Chử và binh-khoa đô-cấp-sự-trung là Vương-Chấn sang sách phong. Bọn Lương-Chử và Từ Ngọc đến trạm Thị-kiều, vua Hiến-tông sai Đông-các đại-học-sĩ là Đàm-văn-Lễ. Đông-các học-sĩ là Nguyễn-nhân-Thiếp và Bùi-Yên, cùng bọn Lương-Chử nghị việc làm lễ. Bọn Lương-Chử đến trạm Lã-Khôi, vua Hiến-tông ngự thuyền nhỏ đến tiếp. Bọn Từ-Ngọc và Lương-Chử làm lễ dụ tế và sách phong xong cáo-từ về. Vua đưa vàng bạc lụa mùi: bọn Chử đều không nhận, vua có làm thơ để tiễn. Đến năm 1500, vua sai Hình-bộ tả thị-lang là Nguyễn-duy-Trinh, Lễ-khoa đô-cấp-sự-trung là Lê-lan-Hình người làng Cổ-đô, huyện Tân phong, đỗ đồng-tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484, nguyên họ Nguyễn tên là Sư-Mạnh, phụng mệnh vua cho họ Lê tên là Lan-Hình), thượng-bảo tự-khanh là Nguyễn-nho-Tôn sang Tàu tạ về việc dụ tế. Sai Đông-các học-sĩ là Lưu hưng-Hiếu, Hàn-lâm thị-thư là Đỗ Nhân, thông-sự ty-thừa là Bùi-đoan-Giáo sang tạ về việc sách phong và xin mũ áo ». (*Còn nữa*)

Ứng-hoè Nguyễn-văn-Tố

Kỳ sau:

Từ hội-nghị Diên-hồng đến Hội-đồng hương thôn

của KHUƠNG-VIỆT

Lối phục-sức của ta từ sau hồi âu-hóa *của* HOA-BẰNG

Đại-nam dật-sự

(*Thiếp teo trang 5*)

nam: quân càng ngày càng mạnh. Đến tháng 11 năm canh-tý (160) là năm Diên-hy thứ ba đời Hán Hoàn-đế, vua Hán lại phong Hạ-Phương làm thứ-sử Giao-chỉ. Hạ-Phương là người uy-tín đã rõ-rệt, cho nên khi mới đến quận hơn hai vạn người đem nhau đến xin hàng (chép theo *Khâm định Việt-sử*, quyển 2, tờ 22 a-23 a).

Mùa hạ năm tân-dậu hiệu Quang-hòa thứ tư (181) nhà Hán cho Chu-Tuấn làm Thứ-sử Giao-chỉ.

Chu-Tuấn, tên tự là Công-Vĩ, người Cối-kê (theo *An-nam chí nguyên*, quyển 2, trang 150). Nguyên năm Quang-hòa thứ nhất (178) Giao chỉ, Hợp-phố và Man Ô-hử làm loạn. Mục-thú là Chu-Ngung không dẹp nổi. Người châu Giao là Lương-Long nhân đó dấy quân, đánh phá quận huyện, có quân đến vài vạn người. Đến mùa hạ năm Quang-hòa thứ tư (181) nhà Hán sai quan lệnh ở Lang-lăng là Chu-Tuấn sang cứu Chu-Ngung, đi đường qua quận nào mộ gia binh quận ấy và năm nghìn quân đem đi, từ hai đường đi vào châu Giao. Khi đến nơi, bỏ áo giáp không tiến, sai người dò xem hư thực, tuyên dụ uy-đức để chấn-động, rồi cùng quân bảy quận tiến lên, giết được bọn Lương-Long, hàng được vài vạn người, tuần nhật dẹp yên hết (chép theo *Khâm-định Việt-sử*, quyển 2, tờ 23b-24 a).

Tháng năm năm Trung-bình thứ nhất (184) đồn binh ở Giao-chỉ giết Chu-Ngung, sai người sang nhà Hán kể tội. Vua nhà Hán bèn chiếu kén người tài-giỏi sang làm quan. Các quan hữu-ty tiến ngự-sử là Gia-ung (tên tự là Mạnh-Kiên, người Liêu-thành, đỗ hiếu-liêm, bổ chức kinh-sư doãn, chép theo *An-nam chí nguyên* quyển 2, trang 150) sang làm thứ-sử. Trước kia vì những người làm thứ-sử thay đổi Giao châu có ngọc minh-châu, cánh chim trả thuỷ-vũ), sừng tê, ngà voi, đồi-mồi, hương lạ, gỗ tốt là những vật quí, hết thảy tham nhũng: hễ vơ-vét đủ, lại xin người sang thay, cho nên lại-dân đều chống-cự. Đến khi Giả-Mạnh-Kiên đến bộ, hỏi rõ tình-trạng, đều nói rằng: « Các quan trước thu thuế nhiều, bắt góp nặng, trăm họ khổ-sở; vì kinh-sư đường xa, không biết kêu ai: dân không vui sống, cho nên họp nhau để chống-cự, chứ không phải là làm phản ». Giả-Mạnh-Kiên mời sai người đi khắp hiểu-dụ, bảo nên ở đâu về đấy, chiêu-dụ kẻ lưu-vong, tha cho đóng góp. Xong hạ lệnh giết những người đầu sỏ hà-ngược, kén chọn người lương-lại coi các quận huyện; trăm họ được yên. Ngã ba đường thường có câu ca rằng: « Giả phụ lai vãn, sử ngã tiên phản, kim kiến thanh bình, bất cảm phục bạn », nghĩa là cha là họ Giả đến muộn, để cho ta phải làm phản trước, nay trông thấy thái-bình, không dám làm phản nữa. Giả Mạnh Kiên ở châu ba năm, sau vua Tàu vời về cho làm nghị-lang, sai người trong châu là Lý-Tiến thay làm thứ sử (chép theo *Khâm định Việt sử*, quyển 2, tờ 24 b-25 a).

(*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN TÔ

VĂN-HÓA VẬT-CHẤT

(*Tiếp theo trang 3*)

Người Tasmanie thích vào mình thành sẹo, và khoan chỗ hin mũi để xâu miếng gỗ vào, có lẽ là để làm lễ thụ-pháp, cũng như con gái Tàu có lễ gia quan, con gái Tàu cổ lễ cài trâm. Người Tasmanie và người Yahgan có tục vẽ phẩm vào mặt. Chết thì chôn ở dưới đống đá nặng hoặc thiêu đi. Người Tasmanie lại có tục đem sọ người chết hoặc một phần trong xương người chết đi để các nơi: họ cho làm thế thì người chết không về được nữa. Họ tin là ban ngày có cát-thần, ban đêm có hung thần. (*Còn nữa*)

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TO

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHÁY CUNG CHƯƠNG VÕ

Số 1

CHU-THIÊN

I

- Ồ! đông quá, đẹp quá nhỉ!

Ba chàng trẻ tuổi vừa nói vừa tiến vội ra bờ sông. Giời về cuối xuân trong và sáng như pha lê. Không-khí mát dịu. Gió nhẹ nhàng đã thổi tan làn sương mỏng trắng như bông sen đuổi hết đến cả những mảnh còn vướng lại dưới chân tre, đọng lại trên mặt nước. Không khí trong lạ thường, nên tự tít dẳng xa, mãi tận trong chân làng giữa cánh đồng, trông ra ngoài bờ sông đã thấy đông nhan nhản những người lá người, đứng liền chi liền chít, như một bức tường thành. Và những cờ ngũ sắc, những tàn vóc đỏ thêu kim tuyến, những quạt, những gươm dáo, bật biểu, vàng soi chói lọi, cứ cách từng quãng đều vượt lên trên đầu người, cùng thi nhau khoe đẹp với giời xanh. Và từ từ phía ở các làng, từng bọn, những người vẫn còn lũ lượt kéo ra bờ sông nữa cho thêm đông, thêm vui, thêm trọng thể... Ba chàng trẻ tuổi hăm hở chạy ra đến bờ sông. Một chàng vui vẻ nhắc lại:

— Ủi giời! Đông quá! đẹp quá!

Những người đứng xem ở bờ sông cũng họa theo:

— Vâng, đông quá và vui quá! Tôi chưa được thấy đám rước đám hội nào vui như thế!

— Đông hơn cả hồi rước đức Hoàng đế hồi cung (1) năm nọ.

— Đông hơn nhiều chứ! mà giạo ấy đi đường bộ không được vui bằng bây giờ, ngài ngự đường thủy.

— Đi đường thủy đẹp hơn nhiều chứ, tất cả có 2 vạn các thuyền đều phải đứng nép lại bờ sông, kéo cờ đón rước. Các làng trên cạn phải ra bái vọng. Mà các thần dân thiên-hạ được ra đứng hai bên bờ sông chiêm ngưỡng. Đẹp hơn đã cố nhiên mà đông hơn là phải.

Ba chàng bỏ bọn ấy, lách qua hàng người đông đặc rẽ xuống mé sông nhìn ra mặt nước. Trên giòng nước bạc lăn tăn sóng, những chiếc thuyền nan, thuyền ván, đứng nối đuôi nhau trong bến, chiếc nào cũng cắm san sát những cờ sặc sỡ, phất phơ uyển chuyển trước gió. Giời tươi sáng, gió nhè-nhẹ, nước trong vắt người bằng-bột, hòa với cảnh tưng bừng náo nhiệt lúc ấy, thật là một cảnh tượng thái bình. Một người nói:

— Lâu lắm mới lại được thấy uy nghi thịnh-trị, cảnh tượng thái bình...

Một người nữa tiếp:

— Cầu Giời khấn Phật, lấy hai đức Vua vỗ về cho trăm họ được yên vui mãi như thế này.

Ba chàng trẻ tuổi lại cùng nhau đứng dậy lên đường chen tựa vào gốc cây, và hỏi với ra những người ngoài:

— Long-thuyền sắp ngự qua đây chưa nhỉ? các ông nhỉ?

Một ông cụ đáp:

— Chừng đầu giờ tỵ thì qua đây. Thuyền ngự đức Vua Chương-Võ (2) đi từ tang-tảng sáng, chắc ngài gặp thuyền ngự của công-chúa ở cửa sông.

Long-thuyền đức Vua đi chắc đẹp lắm nhỉ? hoài của! chúng ta ra chậm quá, giá không đã được chiêm ngưỡng uy-nghi ngài.

Một người đứng bên nói chen vào:

- Đợi lúc về xem cũng vậy. Lúc về lại thêm có cả các thuyền các quan đưa tiễn công chúa nữa kia. Xem thuyền bên nào đẹp hơn.

— Thuyền rồng đức Vua chắc thế nào chả đẹp hơn mà nhiều hơn nữa. Đoàn thuyền của ngài có những một thuyền rồng và mười một chiếc thuyền chiến đủ bả quan theo hầu.

Một người khác ở ngoài chêm vào:

— Mặt giời chiếu sáng mang tai rồi. Đức vua sắp ngự về qua đây, đợi mà xem khắc rõ.

Ai nấy càng vui vẻ đợi, thân mật dì-dầm nói chuyện với nhau, từ chuyện này qua chuyện khác, nói nhiều, bàn nhiều, và có khi múa chân múa tay, huyênh-hoang cười cợt, như để thỏa sức cái lòng bồng bột bấy lâu bị nén ép đi vì lo sợ. Thật vậy. Tất cả dân gian miền phía Thiên đức (3) đều vui mừng hớn hở. Luôn mấy năm giời loạn-lạc, hai bên đánh nhau, nơi quê hương thân mến của họ đã trở thành bãi chiến trường, trẻ già lớn bé đều hằng nơm nớp lo sợ, ngày quên ăn, đêm mất ngủ, tính mạng hầu như treo lơ lửng trên ngọn tre cao. Cho nên thấy Triều-đình hòa thân với đức Vua của họ trị vì ở vùng Gióng, hết thảy đều vui vẻ như mở cờ trong bụng. Họ mừng lại được an cư lạc nghiệp, họ mừng lại được ngợi hát thái bình. Nhất là mối hòa thân ấy lại được thắt chặt rõ ràng bằng một cuộc hôn-nhân trọng đại: đức Chương-Võ hoàng đế đã bằng lòng hạ mình làm rể họ Trần mà lấy Ngọa-Thiềm công chúa em gái vua Thái-Tông nhà Trần, do Thái sư Trần Thủ-Độ đứng trung-gian làm mối, và chính là bày ra kế hòa-thân. Tin ấy ban ra, khắp mặt thần dân đều nức lòng, cùng nhau nô nức sắm sửa nghỉ-ngơi, và đem đủ nghi lễ để dự vào cái đám cưới đế vương

long trọng ấy, cái đám cưới sẽ mở đầu cho một cuộc thái bình sắp tới. Mấy năm loạn lạc đói khổ đã đầy ải sinh-linh vào vòng lầm than cùng cực lượng dân, rất sợ hãi những tai vạ tầy giời, nên thoáng thấy dấu hiệu một điềm lành : đưa đến trăm họ yên vui là họ vội vàng vồ vập hoan-hô ngay lấy, không cần suy nghĩ xem nó có thể bền bỉ được lâu, hay là chỉ thoáng qua như chớp nhoáng. Nỗi đau khổ đã dun-dủi họ khêu gợi hồ, thúc giục họ, rà lưng bừng hoan-hô các đấng trị bì đã đẹp nỗi bất bình mà hòa thân với nhau. Họ đem lòng vái sướng bồng bột ra thi nhau đua vui để ca tụng các bậc bề trên, mong mỏi ơn trên thương đến phận dân hèn bèo bọt mà bớt sự tranh giành tức khí cho, dân gian được tạm hưởng yên vui. Cho nên ai nấy, hôm nay ra đứng bờ sông, và các làng đem đủ nghi-vệ ra bái vọng, là đều một lòng mong mỏi : dự xem cái oai phong lẫm liệt của bậc đế vương, và đồng thời cầu khẩn cho khắp bốn dân thiên hạ thái bình an-ca ! Cho nên ai nấy đều vui vẻ đợi.

Họ nóng lòng đợi ..

Thì chợt, từ phía tây ngược giòng sông Thiên-đức (1), những tiếng ồn-ào lung-hỗ vang dậy như vỡ chợ. Rồi lại rộn mồn-một, chuyển mãi đi xa. Lập tức mọi người đều đứng im lặng thin-thít, quay dồn cả mắt về phía tây. Một sự im lặng thiêng-liêng, trái ngược với làn sóng hoan-hô đang cuồn cuộn tràn lại nhanh như bão lốp. Mọi người càng thêm nóng nảy ngóng trông : Tiếng hoan-hô vui vẻ đã rầm rộ lại gần. Kia đội thuyền tiền-phong cờ bay phấp phới đã nhô ra và thoăn thoắt bơi lại với mọi con mắt mong mỏi : Năm chiếc thuyền ván đi đầu cùng một kiểu, mũi cao vượt lên thành hình đầu phượng, đuôi lỏe ra như rẽ quạt, với sáu đôi rầm chèo, đều tam tấp sòe lên và đập xuống rẽ sóng đi phăng phăng, khiến người trông tưởng lượng như con phượng hoàng là là ngoi trên mặt nước. Trên thuyền có một cái lầu sơn xanh lợp mui luyện, bốn bên che rèm đỏ hung-hung, ở trong thấp thoáng có hai vị quan đại thần đang ngồi nói chuyện. Chung quanh thuyền, một loạt võ sĩ áo mặc gọn gàng, vai đeo bao tên, tay trái dương cung, tay phải tra tên vào giây cung, sẵn-sàng sẵn sàng chực gieo tên xuống như mưa vào những kẻ nào vô-lễ toan cố ý hội nghịch mạn thượng. Năm chiếc thuyền kia đều đậu vượt lên, đến hai chiếc thuyền vệ binh, đi sóng đôi nhau, có lầu sơn đỏ, có cờ hiệu riêng, quân lính đứng chung quanh đều hàng bồng gươm, cầm kiếm sáng loáng rất ghê sợ. Rẽ hẳn ra hai bên sông, mỗi bên ba chiếc thuyền thẳng hàng đài, đi vây hộ vệ lấy chiếc long thuyền của đức Vua Chương-Võ. Chiếc thuyền đầu rồng dương đôi mắt ngạo nghễ ra nhìn giời nước mênh mông, mỗi cái râu là một thanh kiếm sắc để thị oai. Thân thuyền và đuôi thuyền đều thiếp vàng óng nuốt. Trên thuyền cái lầu vàng chói lọi cao vượt lên, mái cong bốn góc, có bốn con rồng vàng bò nốn khúc, nghều cổ lên giời. Giữa nóc có cái hình mặt giời đỏ rực rỡ. Ở đầu thuyền dựng một cây cờ cao chót vót, trên thêu chữ « Nguyễn » to lướng, đang phấp phới kiêu kỳ giữa những hàng cờ chung quanh

(Còn nữa)

CHU-THIỆN

1) Vua Hiếu-Tông nhà Lý triều đi Lạng giang, Trần Tự Khánh được vô cung cuối năm Bính-tý (1216).

2) Nguyễn Nôn tự xưng là Chương-Võ hoàng đế chống nhau với nhà Trần

3) Bắc ninh bây giờ, Nhà Lý đặt là phủ Thiên-đức ở cửa pháp (1010).

4) Sông Đuống bây giờ.

Hộp thư

O. de Faria Paksane : báo đã gửi rồi. Bản số niên lịch đã nhận được, sẽ xin đăng — Cám ơn.

O. Ô. Trí, Đi-Minh Tây Ninh — Đã tra sổ cũ đúng cả. Xin lỗi.

O. Hà-Sóc trang. Đã nhận được. Xin giảm giá quảng cáo, cám ơn.

Ô. Vũ quý Vy haiphong. hết Aout đủ hạn 3 tháng, ngài gửi Mandat 3$50 Xin định gửi.

Ô. Lương đức-Nghĩa — Xin hoãn nghênh.

O. Phan văn Thức Tân an — Báo đã gửi nhưng không đủ — trừ tiền báo cũ đi gửi thêm 5$ đủ nửa năm. Cám ơn.

Hội Phụ-huynh học-sinh Việt-Nam

Ngày định quan Thống Sứ Bắc-kỳ số 2622-A ngày 12 Mai 1943 đã cho phép Hội Phụ huynh học-sinh Việt-Nam hành-động trong địa-hạt Bắc-kỳ

Mục đích hội là :

1) Lập một đoàn-thể gồm các phụ huynh học-sinh và những người lưu-tâm đến nền giáo-dục nước nhà.

2) Nối giây liên-lạc giữa đoàn-thể ấy với các nhân-viên giáo-giới công, tư, để đạt tới một công-cuộc hợp-tác chặt-chẽ và ích-lợi.

3) Săn-sóc đến quyền-lợi của học-sinh, con em các hội-viên.

4) Khuyến-khích sự-học, sự tập thể-thao và cổ-động làm điều thiện trong giới học-sinh. Đặt phần thưởng cho những học-sinh nào xuất sắc về đức hạnh, về học-hành hay thi cử có kết-quả tốt. Đặt thưởng tặng vị nào tận-tâm với nền giáo-dục nước nhà.

5) Giúp đỡ những hội-viên túng thiếu không đủ tư cấp cho con theo học. Phát tiền trợ-cấp hay học-bổng cho những học-sinh nào đáng.

6) Hướng dẫn học sinh, con em các hội-viên trong sự chọn nghề và nếu có dịp, hội sẽ giúp cho các học sinh ấy có việc làm.

Mỗi hội-viên đóng mỗi năm 2$ Không có lệ phí nhập hội.

N. B. Ngài nào cần biết thêm điều gì về hội, xin lại hỏi Ô. Đặng hạnh Kiên là hội-trưởng (ở phố Quan Thánh Hà-nội, giây nói 616) hay Ô Nguyễn văn Bê là thư-ký của hội (Nhà Học chính Đông dương, cạnh trường Cao Đẳng, Boulevard Bobillot Hanoi).

Cải chính

Bài « Tạo Hóa và Nhân Loại » của Minh Tuyển. *Tri Tân số 104 — trang 12* — giòng 3 : Rảo chân đọc là Rảo chân — giòng 8 : sạt ảo đọc là sạt sào — giòng 47 mấy ra đọc là mấy ra — giòng 53 trúc xe đọc là trục xe. *Tri Tân số 105 — trang 13* — giòng 45 thừa chữ hồn — giòng 63 : thừa chữ máu.

NHỮNG SÁCH CỦA THƯ-XÃ
ALEXANDRE DE RHODES

ĐÃ XUẤT BẢN

1. — KIM-VÂN-KIỀU, tome I (hết)
2. — THƠ NGỤ-NGÔN LA FONTAINE (hết)
3. — LƯỢC-KHẢO VIỆT-NGỮ
của Lê-văn-Nựu *Giá 0$50*
4. — **LE PAYSAN TONKINOIS**
à travers le parler populaire
của PHẠM-QUỲNH
— 80 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH — Bìa 2 màu.
Bản thường 0$80 — Bản giấy Đại La 5$00
5.— **TRẺ CON HÁT, TRẺ CON CHƠI**
của NGUYỄN-VĂN-VĨNH, sưu tập khổ lớn 22×32, toàn tranh ảnh và bìa 2 màu.
Bản thường 0$50 — Bản giấy Đại La 5$00

MỚI XUẤT BẢN

6. — **Kim Vân Kiều tome II** (trọn bộ)
bản-dịch Pháp-văn của NGUYỄN-VĂN-VĨNH 460 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
Bản thường 3$00 — Bản giấy Vergé bouffant *8$50*
7. — **CHINH-PHỤ NGÂM**
bản dịch Pháp-văn của Bùi-văn-Lăng, 120 trang khổ 17x23, có nhiều tranh ảnh của Mạnh Quỳnh bản thường 1$ — bản giấy Đại-La Impérial 5$

Tổng phát-hành : **Mai-Lĩnh**
21 Rue des Pipes — Hanoi.

ĐÃ CÓ BÁN :

KHẢO LUẬN VỀ
KIM VAN KIỀU

ĐÀO-DUY-ANH

*

Quyển sách đầu tiên nghiên cứu và bình luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm, có phụ cả *Thanh-hiên thi tập* và *Bắc-hành tạp-lục.*

Giá **2$40**

VĂN HÓA
29, Maréchal Pétain — Huế

Quyển Từ-điển chuyên môn đầu tiên trong kho sách quốc-văn.

VẬN-LIỆU TỪ ĐIỂN

của Lông-Điền NGUYỄN VĂN MINH
Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng bộ điển tích thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn. Có cảm thấy cái hay ấy thì mới để ý đến quốc-văn và ưa chuộng quốc-văn. Nay tiên-sinh cho xuất bản tập « Vận liệu Từ-điển » giảng rõ những tiếng dùng trong quốc-văn mà có điển cố, thật là một cái công to với quốc-văn vì tập sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn một phần lớn ».

Trích thư của
Đốc học Nguyễn Quảng-Oánh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16 × 25
Giá bán lẻ có 5$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm 0$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành
16, Phố Lê Lợi — HANOI
51, Doumer — HAIPHONG

HAN THUYÊN

MỚI CÓ BÁN

CẢI TẠO SINH LỰC

Phần thực hành trong bộ
« SỨC KHỎE MỚI »
của P. N. KHUÊ — Giá 3$50

25 8-43 có bán

XÃ HỘI AI-CẬP
ĐỜI THƯỢNG CỔ

Trong bộ « Lịch sử Thế giới »
của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH
Giá 2$50

Ở xa mua 1 cuốn xin gửi tiền trước kèm 0$40 cước đảm bảo về ô. Giám-đốc

HÀN-THUYÊN
71, Tiên-Tsin — HANOI

REVUE TRI-TÂN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi